



Implemented by

**giz** Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

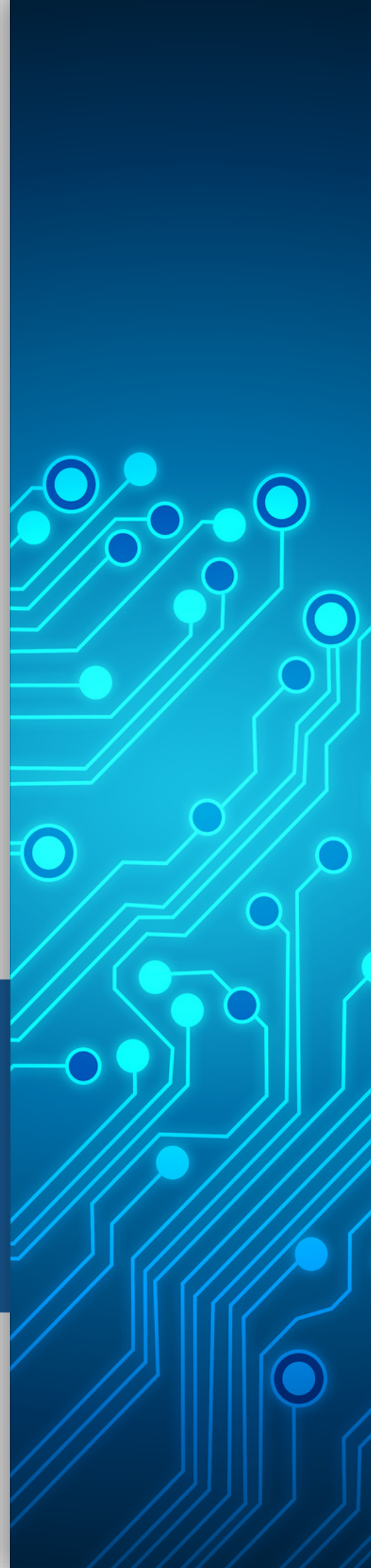


**TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

# BÁO CÁO TỔNG HỢP

Đánh giá tình hình triển khai  
hoạt động đào tạo từ xa  
và tự học có hướng dẫn theo  
Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, tháng 11 năm 2021



## **Thông tin chung**

Tài liệu này được xây với sự hỗ trợ của Chương trình Hợp tác Việt-Đức “Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam”. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ), đồng thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) cùng với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng của Giáo dục nghề nghiệp để thích ứng với thế giới việc làm không ngừng thay đổi, ngày càng trở nên xanh và được số hóa hơn.

## **Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam**

Số 1, ngõ 17 Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

T: +84 24 397 46 571

E: [office.tvet@giz.de](mailto:office.tvet@giz.de)

W: [www.tvet-vietnam.org/](http://www.tvet-vietnam.org/) [www.giz.de](http://www.giz.de)

**Đơn vị điều phối:** **Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam**

ThS. Phạm Xuân Hoàn  
Bà Nguyễn Nguyệt Linh

**Đơn vị phối hợp:** **Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp  
11 Trường Cao đẳng đối tác của GIZ**

**Tổ biên soạn:** **Nhóm tư vấn của GIZ**  
TS. Nguyễn Nhật Quang  
TS. Phạm Ngọc Toàn  
ThS. Nguyễn Thị Hoàn Nguyễn

**Tổ chức Hợp tác Quốc tế, Đức GIZ**  
Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề  
nghiệp Việt Nam

**Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp**

## **BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**Đánh giá tình hình triển khai hoạt động đào tạo từ xa  
và tự học có hướng dẫn theo  
Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH**

Phiên bản đầu tiên

Hà Nội, tháng 11 năm 2021

*Tài liệu Báo cáo Tổng hợp đánh giá tình hình triển khai hoạt động đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn theo Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH được chính thức xây dựng*

*bởi Nhóm tư vấn và các đối tác hợp tác của Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.*

*Tài liệu có thể được sao chép hoặc tải xuống trên [www.tvet-vietnam.org](http://www.tvet-vietnam.org) miễn phí dành cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu, không gắn với lợi ích thương mại.*

*Đối với bất kỳ mục đích sử dụng và sao chép nào khác, xin liên hệ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam để biết thêm thông tin và xin phép.*

*Địa chỉ: số 1, Ngõ 17, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

**Tel:** +84 (0) 24 39 74 64 71

**Website:** [www.tvet-vietnam.org](http://www.tvet-vietnam.org)

[www.giz.de/vietnam](http://www.giz.de/vietnam)

### ***Lời cảm ơn***

Để hoàn thành được báo cáo này, nhóm chuyên gia tư vấn của GIZ đã nhận được sự hợp tác đóng góp ý kiến rất nhiệt tình của đông đảo các đại biểu tham các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu gồm: lãnh đạo - đại diện các đơn vị của Tổng cục GDNN, lãnh đạo, cán bộ phòng GDNN của 9 Sở Lao động Thương binh và Xã hội; các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giáo viên, học viên trong các cơ sở GDNN và đại diện doanh nghiệp, cán bộ dạy nghề tại doanh nghiệp. Nhân dịp này chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tổ chức và các nhân liên quan đã tham gia và đóng góp ý kiến cho báo cáo.

Nhóm chuyên gia tư vấn xin đặc biệt gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo, cán bộ Vụ Đào tạo Thường xuyên \_ Tổng cục GDNN và cán bộ của chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam – tổ chức GIZ đã hỗ trợ chúng tôi thực hiện báo cáo này.

## MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG .....	7
DANH MỤC HÌNH .....	8
DANH MỤC HỘP .....	9
Tóm tắt báo cáo .....	11
<b>PHẦN 1 GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU VÀ KHẢO SÁT.....</b>	<b>17</b>
1. Bối cảnh và sự cần thiết tiến hành đánh giá tình hình triển khai Thông tư số 33/2018/TT-BLĐT BXH .....	17
2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu .....	18
2.1 Mục tiêu nghiên cứu .....	18
2.2 Câu hỏi nghiên cứu .....	18
3. Phạm vi nghiên cứu .....	19
4. Khung nghiên cứu và phương pháp phân tích.....	19
4.1 Khung nghiên cứu .....	19
5. Phương pháp phân tích.....	20
5.1 Nghiên cứu định tính .....	20
5.2 Nghiên cứu định lượng .....	21
5.3 Nội dung và phương thức khảo sát .....	21
6. Qui mô và phương thức tiến hành khảo sát, thu thập thông tin .....	22
6.1 Khảo sát định tính.....	22
6.2 Khảo sát định lượng.....	23
6.3 Kết quả triển khai thực tế.....	23
<b>PHẦN 2 KẾT QUẢ KHẢO SÁT .....</b>	<b>25</b>
1. Đánh giá về vai trò Thông tư 33 và những lợi ích đối với phát triển hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn .....	25
1.1 Vai trò của thông tư 33 đối với hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn.....	25
1.2 Lợi ích và sự cần thiết duy trì và phát triển hình thức ĐTTX/trực tuyến trong GDNN.....	27
2. Đánh giá tình hình triển khai hình thức ĐTTX.....	29

<b>2.1 Tuyển sinh và quá trình chuẩn bị triển khai ĐTTX.....</b>	<b>29</b>
<b>2.2 Tổ chức đào tạo từ xa/trực tuyến.....</b>	<b>31</b>
<b>2.3 Chương trình và phương pháp đào tạo.....</b>	<b>35</b>
<b>2.4 Hạ tầng kỹ thuật .....</b>	<b>37</b>
<b>2.5 Cán bộ quản lý và giáo viên.....</b>	<b>38</b>
<b>2.6 Học viên .....</b>	<b>41</b>
<b>3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai</b>	<b>3.1 Thuận lợi:</b>
.....	42
<b>3.2 Khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai ĐTTX .....</b>	<b>43</b>
<b>3.1 Khuyến nghị đề Thông tư 33/2018 sớm vận dụng trong thực tiễn và thúc đẩy hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.....</b>	<b>46</b>
<b>3.2 Đề xuất sửa đổi một số nội dung của Thông tư 33 .....</b>	<b>50</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>53</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>55</b>

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1 Định hướng đào tạo từ xa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số .....	28
Bảng 2 Tác động của dịch Covid đến hoạt động đào tạo .....	30



## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1 Đánh giá về lợi ích từ đào tạo từ xa (đơn vị: điểm).....	25
Hình 2 Đánh giá hiệu quả chung theo các bên liên quan .....	27
Hình 3 Nhu cầu tham gia học đào tạo từ xa .....	29
Hình 4 Đánh giá chung về cán bộ hỗ trợ triển khai hình thức đào tạo từ xa .....	39

## **DANH MỤC HỘP**

Hộp 1 Thực hiện chuyển đổi số tạo môi trường triển khai đào hình thức đào tạo trực tuyến .....	32
Hộp 2 Mô hình hợp tác đào tạo với DN của trường TC KTKT Nguyễn Hữu Cảnh .....	34
Hộp 3 Nội dung phương pháp đào tạo trực tuyến của giáo viên .....	36
Hộp 4 Mô hình đào tạo kết hợp tại trường CDN Lý Tử Trọng .....	38
Hộp 5 Đánh giá năng lực của đội ngũ nhà giáo GDNN qua Hội giảng năm 2021 .....	40

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
1.	CĐ	Cao đẳng
2.	CĐS	Chuyển đổi số
3.	CMCN	Cách mạng công nghiệp
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6.	DN	Doanh nghiệp
7.	ĐTTX	Đào tạo từ xa
8.	ĐTTT	Đào tạo trực tuyến
9.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
10.	GIZ	Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức
11.	GV	Giáo viên
12.	HCM	Hồ Chí Minh
13.	LĐ&TBXH	Lao động, Thương binh và Xã hội
14.	LMS	Hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (Learning Management System)
15.	SC	Sơ cấp
16.	Tp	Thành phố
17.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
18.	TT	Trung cấp
19.	TT&TT	Thông tin và truyền thông
20.	UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc

## **Tóm tắt báo cáo**

Báo cáo trình bày đánh giá về thực trạng và kết quả triển khai *hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn theo thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐ* từ hoạt động thu thập thông tin qua thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và khảo sát định lượng trên diện rộng mà nhóm tư vấn tiến hành từ ngày 15/10 đến 20/11/2021. Sau đây là các phát hiện chính của báo cáo:

- ***Vai trò của thông tư 33***

- Thông tư 33 đã tạo hành lang pháp lý để các cơ sở GDNN triển khai hình thức đào tạo mới đáp ứng nhu cầu đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho người học đồng thời mang lại lợi ích cho nhiều bên không chỉ đối với người học mà cả cơ sở GDNN và xã hội
- Thông tư mang tính nhân văn, thể hiện đúng với triết lý Giáo dục nghề nghiệp tuy nhiên trong quá trình triển khai do gặp nhiều khó khăn nên chậm đi vào thực tế.

- ***Tổ chức đào tạo từ xa/ trực tuyến***

- Dịch Covid là lý do quan trọng thúc đẩy các cơ sở GDNN và doanh nghiệp tham gia dạy nghề chuyển đổi từ đào tạo trực tiếp sang hình thức ĐTTX/trực tuyến. Việc chuyển đổi chủ yếu mang tính chất bị động nhưng các cơ sở đã thích ứng khá nhanh chóng với hình thức đào tạo này.
- Hiện nay chưa có cơ sở GDNN nào triển khai hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn một cách đầy đủ mà chủ yếu sử dụng hình thức đào tạo kết hợp trực tuyến kết hợp trực tiếp.
- Hình thức ĐTTX/ đào tạo trực tuyến phù hợp với hầu hết đối tượng học viên, có thể triển khai ở cả 3 cấp trình độ; các ngành nghề phù hợp với hình thức đào tạo này là nhóm nghề Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ và Kế toán vì cả nội dung lý thuyết và thực hành đều có thể đào tạo trực tuyến với thời lượng lớn (từ 80%-100%).
- Các doanh nghiệp/công ty tham gia đào tạo nghề chủ yếu là trong 3 ngành nêu trên do đó cũng có thể chuyển đổi khá linh hoạt sang hình thức đào tạo trực tuyến

và xu hướng sẽ duy trì hình thức đào tạo này lâu dài. Điều này tạo ra yếu tố cạnh tranh đồng thời cũng mở ra cơ hội hợp tác với các cơ sở GDNN trong tương lai.

- **Đánh giá thực trạng các yếu tố trong triển khai đào tạo trực tuyến**

- *Về hạ tầng công nghệ và các phần mềm sử dụng:*

- Đa số các cơ sở GDNN đầu tư được ở mức cơ bản về các thiết bị CNTT và sử dụng các phần mềm (miễn phí/chi phí nhỏ) để triển khai giảng dạy trực tuyến, phổ biến nhất là: Ms Team, Google Classroom, ZOOM..

- Chỉ một số ít cơ sở (các trường dạy nghề lớn, trường đối tác của dự án GIZ) mới được đầu tư tương đối đồng bộ về hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý đào tạo LMS phòng E-Learning và phòng học ảo cùng các thiết bị và phần mềm chuyên dụng phục vụ đào tạo từ xa.

- *Về nội dung, chương trình đào tạo:*

- Nội dung, chương trình đào tạo trực tuyến vẫn được giữ như trước và có sự thay đổi cho phù hợp hơn với hình thức giảng dạy trực tuyến.

- Thời lượng dạy lý thuyết được tiết giảm ngắn gọn, cô đọng hơn.

- Bổ sung nhiều tài liệu tham khảo và các bài tập về nhà

- *Học liệu số:*

- Học liệu số là một trong những nội dung nhận được nhiều sự quan tâm của các cơ sở đặc biệt là các giáo viên. Hiện nay, việc phát triển học liệu số còn mang tính “tự phát” – chủ yếu phụ thuộc vào năng lực, sự tích cực và khả năng sáng tạo của các giáo viên.

- Đa số các cơ sở GDNN mong muốn Tổng cục GDNN sẽ xây dựng một nền tảng với các học liệu số “tiêu chuẩn” cho từng nhóm nghề để các cơ sở có thể dùng chung và để tiết kiệm nguồn lực.

- *Về phương pháp đào tạo*

- Hầu hết các giáo viên đều nhận thức được cần có sự điều chỉnh về vai trò của người giáo viên trong hình thức đào tạo từ xa, đó là chú trọng hơn công tác hướng dẫn và khuyến khích học viên tự học.

- Giáo viên sử dụng nhiều hình ảnh, các video clip để minh họa cho bài giảng được sinh động, lôi cuốn.

- Tăng cường nội dung hỏi đáp và các hình thức kiểm tra nhanh để kịp thời nắm bắt khả năng tiếp thu cũng như tạo sự tương tác với học viên.

o *Về đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo GDNN:*

- Thực tế các cơ sở GDNN không có sự thay đổi về qui mô hay cơ cấu nhân sự cho việc triển khai hình thức đào tạo từ xa. Nhà trường tập trung tăng cường năng lực cho các cán bộ phụ trách về hạ tầng kỹ thuật và CNTT thông qua cử cán bộ học tập, chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp thiết bị hoặc yêu cầu các cán bộ tự học hỏi, cập nhật kiến thức và công nghệ.

- Đối với đội ngũ nhà giáo GDNN: đa số giáo viên tự học hỏi trong việc nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm, các ứng dụng CNTT và cùng với sự hỗ trợ của đồng nghiệp (cán bộ kỹ thuật và giáo viên khoa CNTT) để thiết kế, đổi mới các bài giảng. Với nền tảng kiến thức về kỹ thuật và kinh nghiệm sẵn có nên các giáo viên có thể chuyển đổi tương đối nhanh chóng và đã thích ứng được với hình thức đào tạo mới.

- Tổng cục GDNN hợp tác với các tổ chức quốc tế như ILO, GIZ và Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF) đã tổ chức được một số khóa bồi dưỡng sư phạm số cho các nhà giáo. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều giáo viên mong muốn được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, sư phạm số để có thể giảng dạy trực tuyến một cách “chuyên nghiệp” và nâng cao chất lượng bài giảng của mình.  
0368673362

o *Về người học:*

- Hiệu quả của phương pháp đào tạo từ xa chủ yếu phụ thuộc vào thái độ học tập của học viên. Những sinh viên thái độ học tập tích cực kết hợp với giáo viên có bài giảng tốt, tạo hứng thú thì hiệu quả của việc học trực tuyến hoàn toàn không thua kém so với học trực tiếp.

- Học viên trình độ cao đẳng được đánh giá có khả năng tiếp thu và tự học tốt hơn nếu so với học viên mới chỉ tốt nghiệp THCS học trung cấp hay sơ cấp nghề nhưng điều này không có nghĩa là các học viên trình độ thấp gặp bất lợi khi tham gia hình thức này.

- Các lao động tham gia học trực tuyến thường có tinh thần chủ động, tích cực cũng như khá chuyên cần (tham gia học và làm bài tập đầy đủ) mặc dù thời gian hạn hẹp hơn so với các học viên.

- **Thuận lợi và khó khăn, thách thức đối với việc triển khai đào tạo trực tuyến, ĐTTX**

- **Thuận lợi:**

- Tiến bộ KHCCN và cuộc CMCN 4.0 tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở GDNN thực hiện hình thức ĐTTX và người học dễ dàng hơn khi tiếp cận hình thức đào tạo này

- Dịch Covid tạo cú huých để hầu hết các cơ sở GDNN và doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề nhanh chóng chuyển đổi hình thức ĐTTX/trực tuyến.

- Dần có sự chuyển biến nhận thức về học nghề trong xã hội, ngày càng có nhiều lựa chọn cho học nghề, tạo ra cơ hội cho hình thức ĐTTX phát triển.

- **Khó khăn, thách thức**

- Vẫn còn có những quan điểm và sự nghi ngại, chưa tin tưởng vào chất lượng và hiệu quả của hình thức đào tạo này đến từ cả 3 bên: người học, cơ sở GDNN và doanh nghiệp tuyển dụng. Từ đó dẫn đến nhu cầu đối với hình thức đào tạo này nhìn chung còn rất nhỏ.

- Hạ tầng kỹ thuật về CNTT của các cơ sở GDNN chưa được đầu tư đầy đủ và đồng bộ. Nhiều trường còn thiếu các phần mềm chuyên dụng về mô phỏng, hỗ trợ thực hành và hệ thống quản lý học tập trên nền tảng số một cách chuyên nghiệp.

- Nội dung chương trình đào tạo chưa được đổi mới đúng với “tinh thần” của hình thức ĐTTX; Việc số hóa được tài liệu chưa được tiến hành một cách có hệ thống, thiếu nền tảng chung/kho học liệu số

- Đội ngũ giáo viên chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng và đào tạo bài bản để triển khai hình thức đào tạo mới một cách chuyên nghiệp.

- Điều kiện phục vụ cho học trực tuyến của người học ở nhiều địa phương còn gặp nhiều khó khăn (thiếu thiết bị học tập, kết nối internet không bảo đảm,...)

- Khó khăn trong việc đánh giá kết quả học tập, hạn chế trong việc kiểm soát thái độ tập thực tế của học viên.

- Cơ hội để triển khai hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến là không đồng đều giữa các cơ sở. Các trường CDN, trung cấp ở các thành phố lớn có thể mạnh và thuận lợi hơn so với các cơ sở nhỏ/trung tâm GDNN ở các khu vực vùng sâu, vùng xa.

- **Một số đề xuất, khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc thực hiện Thông tư 33 và thực hiện hiệu quả hình thức ĐTTX tự học có hướng dẫn:**

- ***Đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDNN***

- Hoàn thiện chính sách, các qui định, văn bản hướng dẫn có liên quan đến việc thực hiện TT33
- Tăng cường, đổi mới hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về vị trí của hình thức ĐTTX trong lĩnh vực GDNN
- Xây dựng kho học liệu số, từ đó từng bước nhân rộng để triển khai ra toàn hệ thống GDNN (thí điểm, nhân rộng)
- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ và GV về năng lực CNTT, sư phạm số.
- Tạo cơ hội tiếp cận triển khai hình thức ĐTTX bình đẳng giữa các cơ sở GDNN ở vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau.
- Đẩy mạnh triển khai hoàn thiện hệ thống CSDL toàn ngành GDNN để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở và từ TW đến ĐP
- Xây dựng chính sách, chương trình hỗ trợ các trường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ đồng bộ theo các nội dung của Thông tư 33

- ***Đối với các cơ sở GDNN***

- Tích cực, chủ động trong xây dựng và thực hiện chiến lược chuyển đổi số và triển khai ĐTTX
- Xây dựng kế hoạch cụ thể và ưu tiên dành kinh phí cho các hoạt động đầu tư về hạ tầng CNTT
- Phát triển hình thức đào tạo kết hợp giữa học trực tiếp và trực tuyến bảo đảm chất lượng, hiệu quả.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học cho đội ngũ giáo viên và có chính sách hỗ trợ kịp thời đối với học viên có hoàn cảnh khó khăn



- Đa dạng hóa và đổi mới các phương thức quảng bá, truyền thông về hình thức đào tạo từ xa.

Tóm lại, hình thức ĐTTX thực sự phù hợp và đem lại nhiều lợi ích cho các bên tham gia, đặc biệt mang lại lợi ích cho người học. ĐTTX cũng cho thấy những ưu điểm của một phương thức đào tạo tiến tiến, đáp ứng được yêu cầu của một nền giáo dục mở, linh hoạt, đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả nhu cầu của thị trường lao động. Thực tiễn cho thấy ĐTTX/trực tuyến không chỉ là hình thức để các cơ sở triển khai trong bối cảnh Covid hiện nay mà sẽ là xu hướng đào tạo tất yếu trong tương lai. Do đó, các cơ sở GDNN không thể đứng ngoài cuộc hay chậm chễ trong việc phát triển các hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến nếu như không muốn bỏ lại phía sau trong sự phát triển chung của GDNN, đặc biệt trong bối cảnh CMCN 4.0 và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp trên mọi lĩnh vực hiện nay.

## PHẦN 1 GIỚI THIỆU VỀ NGHIÊN CỨU VÀ KHẢO SÁT

### 1. Bối cảnh và sự cần thiết tiến hành đánh giá tình hình triển khai Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH

Chuyển đổi kỹ thuật số (DX) đã trở thành một xu hướng tất yếu có tác động toàn diện và mang lại các mô hình kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ mới cho bất kỳ tổ chức nào bao gồm cả dịch vụ đào tạo. Chính phủ Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý để hướng dẫn việc thực hiện chuyển đổi số. Trong số các văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Chỉ thị số 24 / CT-TTg<sup>1</sup> ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ là rất quan trọng. Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN), chuyển đổi số (DX) có thể tạo ra một phương thức mới trong quản lý, điều hành cũng như học tập và giảng dạy. Ngoài ra, do sự thay đổi của thế giới việc làm, tăng quyền tự chủ và tính cạnh tranh trong giáo dục, cũng như tác động của đại dịch COVID-19, các cơ sở GDNN đã khởi động DX để phát triển một hệ thống đào tạo linh hoạt, cởi mở hơn và thích ứng nhanh nhạy hơn để nhanh chóng đối phó với các yếu tố bên ngoài.

Ngày 26/12/2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Nội dung thông tư gồm các qui định và hướng dẫn cụ thể về: chương trình, giáo trình đào tạo; học liệu đào tạo; hệ thống quản lý đào tạo; tuyển sinh đào tạo; thời gian khóa học, thời gian tổ chức giảng dạy; tổ chức đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; bằng, chứng chỉ tốt nghiệp, chứng nhận hoàn thành môn học, mô - đun, tín chỉ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan. Thông tư cũng đề cập đến các khía cạnh về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các yếu tố đảm bảo khác cho việc triển khai đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn đối với đội ngũ giáo viên, nhân viên hỗ trợ, cán bộ quản lý và chính sách học tập và trách nhiệm của các bên liên quan. Sau ba năm thực hiện, Tổng cục GDNN với sự hỗ trợ của chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam, GIZ thực hiện khảo sát này để đánh giá thực trạng

---

<sup>1</sup> Chỉ thị số của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới

và kết quả của đào tạo từ xa và đào tạo tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN, tập trung tìm hiểu các vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân liên quan. Nghiên cứu này cũng nhằm tìm ra những câu chuyện thành công / thực tiễn tốt nhất từ đó rút ra bài học kinh nghiệm giúp các cơ sở GDNN điều chỉnh mô hình đào tạo và tư vấn chính sách phát triển một mô hình để nhân rộng cho các tổ chức GDNN khác trong tương lai. Đặc biệt, trong bối cảnh của đại dịch COVID-19, nghiên cứu này cũng nhằm mục đích tìm ra các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với công tác đào tạo thông qua việc cải thiện các phương pháp đào tạo từ xa và tự học tự học có hướng dẫn.

## **2. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu**

### **2.1 Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu thực hiện các hoạt động thu thập các thông tin nhằm đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện; nắm được những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai Thông tư số 33/2018/TT/BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn đồng thời đưa ra những khuyến nghị để cải thiện chính sách

Nghiên cứu tập trung tìm hiểu các vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân liên quan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm nhằm tư vấn cho cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở GDNN điều chỉnh về chính sách và ban hành các qui định, hướng dẫn phù hợp. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng nhằm tìm ra những điển hình thành công / kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất về hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn để rút ra bài học và khuyến nghị khả năng nhân rộng các điển hình tiên tiến cho các cơ sở GDNN khác trong tương lai.

### **2.2 Câu hỏi nghiên cứu**

Nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi chính “Thực trạng đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong ngành GDNN kể từ năm 2019” thông qua trả lời các câu hỏi cụ thể sau:

- Kết quả chính của đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN là gì?
- Các cơ sở GDNN thực hành đào tạo từ xa nhằm mục đích gì?

- Hiệu quả của việc đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid?
- Những thuận lợi và khó khăn của đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN?
- Đây là yếu tố thành công chính và lý do cơ bản dẫn đến thành công của hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN?
- Bài học kinh nghiệm chính và các khuyến nghị ở cấp chính sách đối với đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN là gì?

### **3. Phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu:
  - + Thực trạng hoạt động đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn
  - + Các nhân tố tác động trong hệ thống đào tạo từ xa D-Learning tại Việt Nam
- Khách thể nghiên cứu: Các cơ sở GDNN có đào tạo hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến, cán bộ quản lý, nhà giáo GDNN (giáo viên), học viên; doanh nghiệp có tham gia GDNN và người dạy nghề tại doanh nghiệp
- Phạm vi không gian: tại Việt Nam.

### **4. Khung nghiên cứu và phương pháp phân tích**

#### **4.1 Khung nghiên cứu**

Trong các tài liệu của quốc tế, đào tạo từ xa Distance learning/(DX) được định nghĩa như là một môi trường học tập sử dụng các công nghệ về thông tin và truyền thông (ICT) làm nền tảng cho các hoạt động giảng dạy và học tập (Nichols, 2008). D-Learning là phương thức học tập ảo thông qua các thiết bị kết nối Internet với một máy chủ ở nơi khác có lưu giữ sẵn bài giảng điện tử và phần mềm cần thiết để có thể hỏi đáp hay yêu cầu cho học viên học trực tuyến từ xa (UNESCO, 2009).

Các hình thức đào tạo phổ biến của D-Learning gồm có: Đào tạo dựa trên công nghệ (TBT - Technology-Based Training), đào tạo dựa trên máy tính (CBT - Computer-Based Training), đào tạo dựa trên web (WBT - Web-Based Training), đào tạo trực tuyến (Online Learning/Training), và đào tạo từ xa (ĐTTX - Distance Learning) (Zandberg & cộng sự, 2008).

Sự hình thành và phát triển của D-Learning gắn với sự phát triển nhanh



quan có thẩm quyền về dạy nghề cấp tỉnh và trung ương, các cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp.

Thông qua hình thức phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với các bên liên quan, nhóm tư vấn sẽ tổng hợp các ý kiến đồng thời đưa ra, sử dụng công cụ phân tích định tính NVIVO để phân loại và phân tích các vấn đề từ đó những nhận định về thực trạng triển khai hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn; đánh giá mặt được, mặt hạn chế, những tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở các phát hiện từ khảo sát định tính và định lượng, nhóm sẽ đưa ra các khuyến nghị để bổ sung, điều chỉnh thông tư 33 cũng như để phát triển hình thức đào tạo từ xa trong tương lai.

### **5.2 Nghiên cứu định lượng**

Báo cáo sử dụng các kỹ thuật phân tích thống kê và mô hình kinh tế lượng để phân tích thực trạng các yếu tố của mô hình đào tạo từ xa, cũng như ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng tổng thể của đào tạo từ xa, cũng như ảnh hưởng đến kết quả đào tạo, hiệu quả đào tạo của chương trình.

Dữ liệu thu thập được sẽ được kiểm tra tính logic giữa các biến, độ tin cậy, ngoại lệ...bằng các công cụ kiểm tra thống kê như Cronbach Alpha. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) sẽ được sử dụng để xây dựng các chỉ số thành phần. Mô hình định lượng (hồi quy, mô hình phương trình cấu trúc) sẽ được sử dụng để phân tích mối quan hệ trong khuôn khổ nghiên cứu.

### **5.3 Nội dung và phương thức khảo sát**

Để đảm bảo việc tìm hiểu được thông tin một cách có hệ thống cũng như quan điểm cá nhân về hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn trong lĩnh vực GDNN, nghiên cứu thiết kế các bảng câu hỏi khảo sát dành cho phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm kết hợp với việc tổng quan thu thập các tài liệu, thông tin thứ cấp. Đây là các công cụ chính để thu thập dữ liệu.

Những người tham gia khảo sát (được mời thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu) là các bên liên quan chính gồm: cơ quan quản lý GDNN cấp trung ương và cấp tỉnh (Tổng cục GDNN và Sở LĐTĐBXH), các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp.

Nội dung đánh giá bao gồm các yếu tố được nêu tại Thông tư 33 gồm: Chương trình đào tạo, giáo trình, tài nguyên giảng dạy và học tập, hệ thống quản lý đào tạo, tuyển sinh, kiểm tra và đánh giá, đánh giá tốt nghiệp, cơ sở hạ tầng CNTT

giáo viên, nhân viên hỗ trợ, cán bộ quản lý, người dạy nghề trong doanh nghiệp và học viên. Đánh giá chính sách về phát triển hình thức đào tạo từ xa là trọng tâm của nghiên cứu.

Để đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu và chính sách bảo vệ dữ liệu của GIZ nên không có dữ liệu cá nhân nào được phép thu thập và phân tích.

Để thu thập được đầy đủ thông tin một cách chính xác và khách quan nhằm thu thập thông tin phục vụ việc đánh giá tình hình triển khai hoạt động đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn theo Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐ, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng cả 2 phương pháp định tính và định lượng.

## **6. Qui mô và phương thức tiến hành khảo sát, thu thập thông tin**

Về tổng thể các chuyên gia tư vấn sẽ tiến hành 14 cuộc thảo luận nhóm với 4 trường và 9 Sở LĐTĐ, 36 cuộc phỏng vấn sâu và tổ chức 1 hội thảo kỹ thuật lấy ý kiến của các bên tham gia; Thông tin định lượng sẽ được thu thập từ ít nhất 30 tỉnh tham gia khảo sát trực tuyến.

### **6.1 Khảo sát định tính**

(i) 14 Cuộc thảo luận nhóm (1 cuộc họp cấp quốc gia và 13 cuộc họp cấp địa phương) sẽ được tiến hành với những người tham gia:

- Ở cấp quốc gia:

+ Tổng cục GDNN (Đại diện các vụ, đơn vị)

+ Chuyên gia dạy nghề/đại diện các hiệp hội nghề nghiệp

- Ở cấp địa phương:

+ Sở LĐTĐ: Đại diện ban giám đốc, lãnh đạo phòng dạy nghề.

+ Các cơ sở GDNN: Thành viên BGH, cán bộ quản lý các phòng chức năng và học sinh

+ Doanh nghiệp: Đại diện ban giám đốc, cán bộ phụ trách đào tạo trong doanh nghiệp / giảng viên tại doanh nghiệp

(ii) 36 cuộc phỏng vấn sâu (4 cuộc x 9 tỉnh) sẽ được thực hiện với:

- Các cơ sở GDNN: giáo viên / nhân viên (phụ trách D-Learning) và học sinh GDNN (ở trình độ cao đẳng, trung học và trung cấp)

- Doanh nghiệp: Người dạy nghề trong doanh nghiệp

Các địa điểm khảo sát: Hà Nội, Lạng Sơn, TP HCM, Vũng Tàu, Lâm Đồng, Cần Thơ, Ninh Thuận, Thanh Hóa, Đồng Nai

**Phương thức:** Tất cả các cuộc họp, thảo luận sẽ được thực hiện trực tuyến bằng ứng dụng họp trực tuyến: Microsoft Team.

## **6.2 Khảo sát định lượng**

Phiếu khảo sát online được gửi rộng rãi cho Sở LĐTĐBXH, các GDNN và doanh nghiệp trên địa bàn 30 tỉnh, thành phố. Đối tượng tham gia khảo sát online ở các tỉnh theo thiết kế bao gồm:

- Lãnh đạo Vụ Dạy nghề Sở LĐTĐBXH
- Trưởng khoa trong các cơ sở GDNN
- Giáo viên / nhân viên (phụ trách D-Learning) trong các cơ sở GDNN (bao gồm 11 trường cao đẳng GDNN đối tác của GIZ) và các doanh nghiệp
- Học viên trong các cơ sở GDNN (ở trình độ cao đẳng, trung học và trung cấp, bao gồm 11 trường cao đẳng GDNN đối tác của GIZ)

**Phương thức:** Tất cả các phiếu khảo sát được thiết kế qua Google form và gửi online đến các đơn vị.

## **6.3 Kết quả triển khai thực tế**

Nhóm nghiên cứu đã cố gắng triển khai việc khảo sát bám sát theo thiết kế, tuy nhiên do có những khó khăn khách quan phát sinh từ thực tế nên đã có một vài điều chỉnh nhỏ, cụ thể là: Tổ chức 11/14 cuộc thảo luận nhóm gồm 4 trường đối tác Dự án GIZ và cuộc thảo luận nhóm ở địa phương, 2 tỉnh Lạng Sơn và Ninh Thuận được chuyển đổi thành các cuộc phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý GDNN của Sở LĐTĐBXH và với các trường cao đẳng, trung tâm GDNN ở 2 tỉnh này.

Cuộc tham vấn cấp Trung ương cũng được chuyển thành các cuộc phỏng vấn sâu với các đại diện của 6 đơn vị của Tổng cục GDNN là: Văn phòng, Vụ Đào tạo Chính quy, Vụ đào tạo thường xuyên, Vụ Nhà Giáo, Vụ Kỹ năng nghề và Viện Khoa học GDNN

Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn phát triển 3 phiếu phỏng vấn sâu online được thiết kế dưới dạng bán cấu trúc. Với hỗ trợ của GIZ, bảng hỏi phỏng vấn bán cấu trúc được gửi tới 07 trường cao đẳng đối tác còn lại của GIZ qua hình thức trực



tuyển (bên cạnh 4 trường đã tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm). Kết quả thông tin phản hồi từ 3 mẫu phiếu bán cấu trúc gồm:

- Lãnh đạo nhà trường và các cán bộ quản lý: 60 phiếu
- Giáo viên đang thực hiện dạy và học trực tuyến: 130 phiếu
- Các bộ phận trách cơ sở hạ tầng về CNTT: 22 phiếu

### ***Về kết quả khảo sát định lượng***

Nhóm chuyên gia đã thực hiện khảo sát trực tuyến với các cán bộ làm việc tại các Sở ngành, cán bộ, giáo viên và học viên của các cơ sở GDNN, cán bộ, người dạy nghề trong doanh nghiệp. Kết quả đã nhận được 2520 phiếu và qua quá trình làm sạch, nhóm đưa 2.486 phiếu có đủ thông tin và bảo đảm chất lượng vào phân tích định lượng.

## PHẦN 2 KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn sau đây sẽ gọi tắt là ĐTTX và thông tư 33/2018//TT-BLĐTBXH gọi tắt là Thông tư 33.

### **1. Đánh giá về vai trò Thông tư 33 và những lợi ích đối với phát triển hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn**

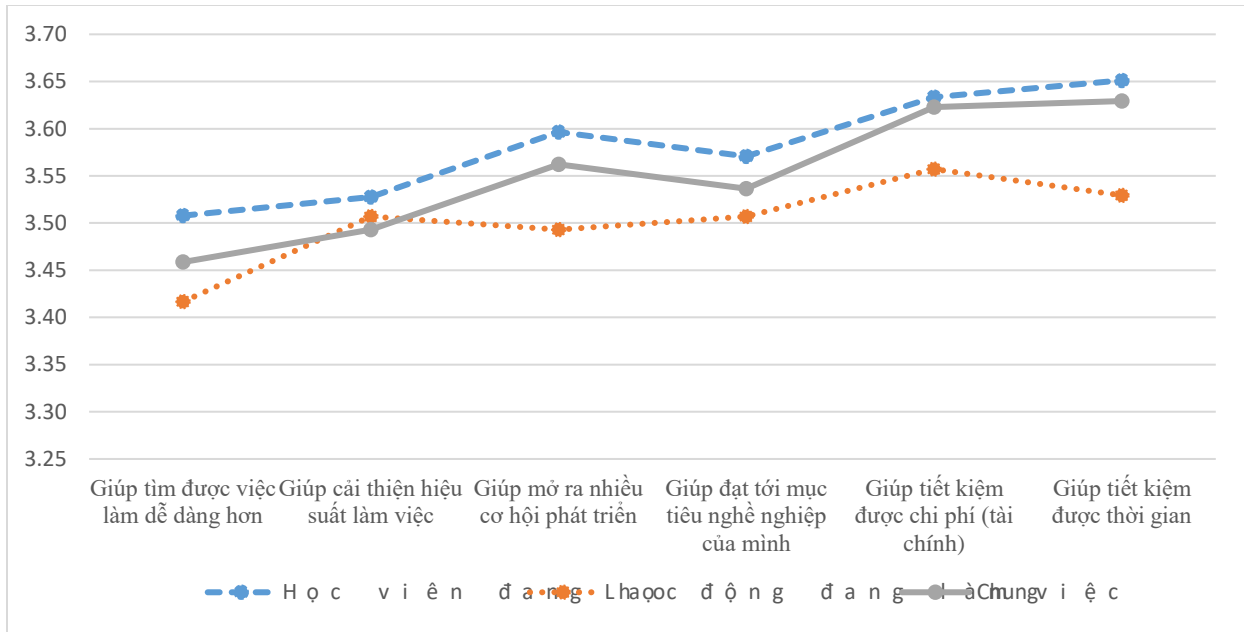
#### **1.1 Vai trò của thông tư 33 đối với hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn**

*Thông tư 33 là văn bản có nội dung quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số và đáp ứng đúng triết lý giáo dục, tạo ra cơ hội tiếp cận GDNN cho mọi đối tượng có nhu cầu học tập.*

Qua các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với các cán bộ quản lý GDNN tại các Sở LĐTBXH, các lãnh đạo, cán bộ quản lý của các cơ sở GDNN và đại diện doanh nghiệp, hầu hết các ý kiến của người tham gia thảo luận đều khẳng định Thông tư 33 được ban hành là văn bản có nội dung quan trọng, đáp ứng đúng triết lý giáo dục là tạo ra cơ hội tiếp cận GDNN cho mọi đối tượng có nhu cầu học tập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho người dân. Nếu Thông tư 33 được triển khai rộng rãi trong thực tiễn chắc chắn sẽ tạo thuận lợi cũng như mang lại nhiều lợi ích trước hết là cho người học như giúp tiết kiệm chi phí học tập, tham gia học tập với phương thức linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, năng lực bản thân và điều kiện gia đình....

Kết quả khảo sát mẫu khoảng 2500 người là các bên liên quan (bao gồm cán bộ, giáo viên dạy học; cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan; Đại diện cơ sở GDNN; Đại diện doanh nghiệp; Đại diện Sở LĐTBXH; Học viên đang học; Lao động đang làm việc) cũng cho thấy nhìn chung các bên đều đánh giá lợi ích từ ĐTTX giúp tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian và mở ra nhiều cơ hội cho người lao động phát triển. Nhìn chung học viên đang học có kỳ vọng đối với lợi ích ĐTTX cao hơn so với nhóm đã đi làm. *Tuy nhiên cả 2 nhóm đều chưa thực sự tin tưởng về việc tiếp cận việc làm, điều này do tâm lý cũng như có thể hoạt động truyền thông chưa thực sự tốt.*

#### **Hình 1 Đánh giá về lợi ích từ đào tạo từ xa (đơn vị: điểm)**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của dự án*

Đóng góp quan trọng của Thông tư 33 là tạo cơ sở pháp lý để các cơ sở GDNN công lập, tư thục, các doanh nghiệp/ công ty tham gia cung cấp dịch vụ đào tạo có thể mở rộng đối tượng tuyển sinh, nâng cao khả năng cạnh tranh cũng như tăng tính linh hoạt, thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động.

Nội dung của thông tư được đánh giá là đã xây dựng tương đối đầy đủ các yêu cầu/yếu tố để triển khai hình thức ĐTTX/trực tuyến.

*Tuy nhiên, trên thực tế việc triển khai thông tư 33 vẫn còn gặp khó khăn do các cơ sở GDNN gặp một số vấn đề về: hạ tầng công nghệ số; hạ tầng nhân lực; hạn chế về truyền thông.*

Tất cả các cơ sở GDNN tham gia khảo sát cho biết họ mới chỉ vận dụng Thông tư chứ chưa có cơ sở nào áp dụng các điều/qui định tại Thông tư để thực hiện hình thức đào tạo từ xa một cách toàn diện và cũng chưa có cơ sở nào thành một hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến trọn vẹn để có thể cấp bằng/chứng chỉ cho học viên. Mặc dù cũng còn có ý kiến nghi ngại về những khó khăn, thách thức đào tạo từ xa – coi đây là cách thức bất đắc dĩ mới phải triển khai trong bối cảnh Covid nhưng đa số các ý kiến của đại diện cơ sở GDNN vẫn đánh giá tích cực về những thuận lợi về mặt cơ sở pháp lý mà Thông tư 33 đem lại.

## **1.2 Lợi ích và sự cần thiết duy trì và phát triển hình thức ĐTTX/trực tuyến trong GDNN**

Trước hết, như đã đề cập, *Thông tư 33 là cơ sở pháp lý công nhận về hình thức ĐTTX, tạo cơ hội cho những học viên không thể trực tiếp đến trường nhưng vẫn thực hiện được việc học tập ở cơ sở GDNN mà mình mong muốn và quá trình học tập được ghi nhận.* ĐTTX đem lại những lợi ích thiết thực cho người học, cụ thể là tiết kiệm chi phí học tập (tiền đi lại, ăn ở) đối với học viên ở các tỉnh, địa phương xa. Với thời gian đào tạo linh hoạt, ĐTTX đặc biệt phù hợp với những người đang đi làm, giúp người học vừa duy trì được việc làm đồng thời vẫn có thể nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

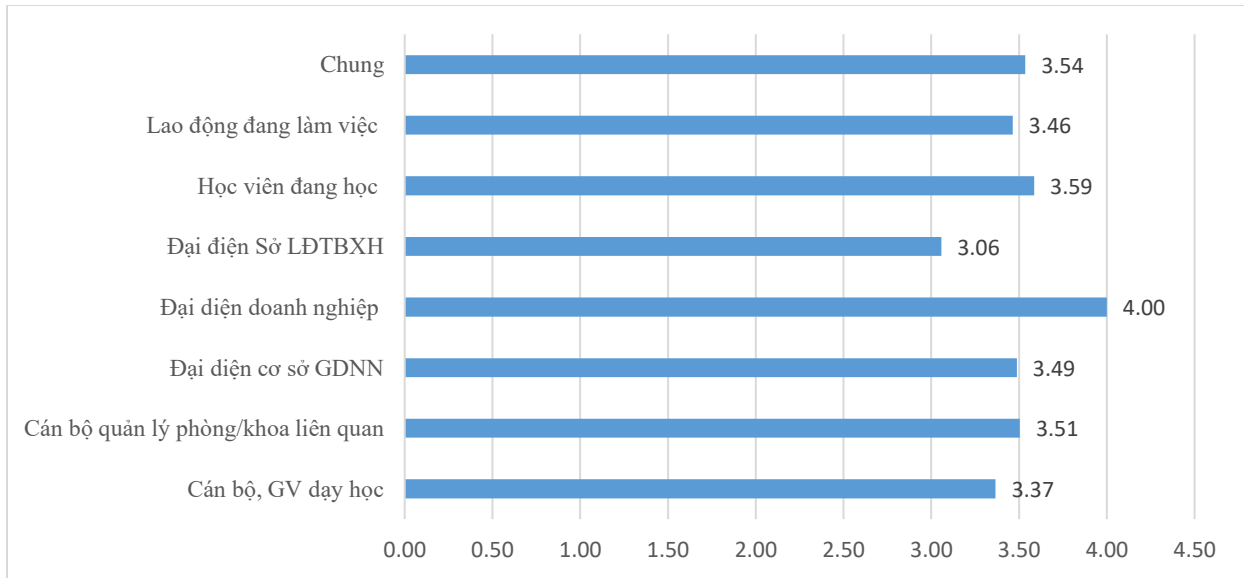
Trong bối cảnh dịch COVID với những diễn biến phức tạp ở nước ta trong thời gian dài và đến nay cũng chưa có dấu hiệu chấm dứt thì triển khai đào tạo trực tuyến là phương thức duy nhất để các cơ sở GDNN không phải “đóng cửa”, duy trì được hoạt động đào tạo, giảm thiểu sự gián đoạn trong quá trình học tập cho người học

*Đào tạo từ xa/trực tuyến có thể đáp ứng nhu cầu đào tạo cá nhân hóa của người học, các cơ sở có thể linh động trong việc tổ chức đào tạo.* Dù chỉ có 1 vài học viên nếu có nhu cầu phù hợp trường vẫn có thể sắp xếp tổ chức được. Hình thức ĐTTX đã thể hiện rõ những lợi ích và ưu điểm so với phương thức đào tạo truyền thống/ trực tiếp là có thể triển khai một cách linh hoạt và hiệu quả.

*Nhìn chung, hiệu quả triển khai ĐTTX/trực tuyến hiện nay được các bên liên quan đánh giá trên mức trung bình.* Doanh nghiệp là đơn vị đánh giá hiệu quả cao nhất, do đặc thù đào tạo trong doanh nghiệp cùng với việc được đầu tư trang thiết bị cho hoạt động ĐTTX nên hình thức đào tạo này vẫn đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp. Ngược lại, từ phía cơ quan quản lý Nhà nước, đánh giá ở mức chưa cao, do còn lo ngại về khả năng thích nghi của người học, cũng như hạ tầng thiết bị của các cơ sở GDNN, sự thích nghi của đội ngũ giáo viên. Các nhóm còn lại như người học, người lao động và nhà trường cơ bản đánh giá hiệu quả trên mức trung bình, hình thức đào tạo này đã đáp ứng kịp thời trong bối cảnh giãn cách xã hội.

### **Hình 2 Đánh giá hiệu quả chung theo các bên liên quan**

*Đơn vị: điểm/5*



*Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của dự án*

*Thông tư 33 không chỉ mang đến lợi ích cho người học mà còn tạo điều kiện để các cơ sở GDNN chuyển đổi hình thức đào tạo linh hoạt, hiệu quả hơn; đáp ứng kịp thời hơn với yêu cầu thị trường lao động và bối cảnh chuyển đổi số. Nhìn chung đại diện cơ sở GDNN, doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước đều cho thấy cần thiết có định hướng đổi mới về nội dung, xây dựng học liệu cho các môn học; cần phải xây dựng cơ sở dữ liệu theo chuẩn; đổi mới phương thức dạy phù hợp với môi trường số; công nhận năng lực số như là một trong những tiêu chí của mục tiêu đào tạo.*

**Bảng 1 Định hướng đào tạo từ xa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số**

	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Quản lý Nhà nước	Chung
Đổi mới nội dung và xây dựng học liệu cho các ngành học phổ biến	3.54	4.18	3.23	3.56
Xây dựng cơ sở dữ liệu theo chuẩn, làm hạ tầng số cho đổi mới công tác quản lý	3.60	4.27	3.27	3.58
Thay đổi cách dạy và cách học với các phương pháp mới trên môi trường số	3.66	4.45	3.41	3.59
Xây dựng module đào tạo về năng lực số, tích hợp vào chương trình đào tạo,	3.66	4.45	3.39	3.60

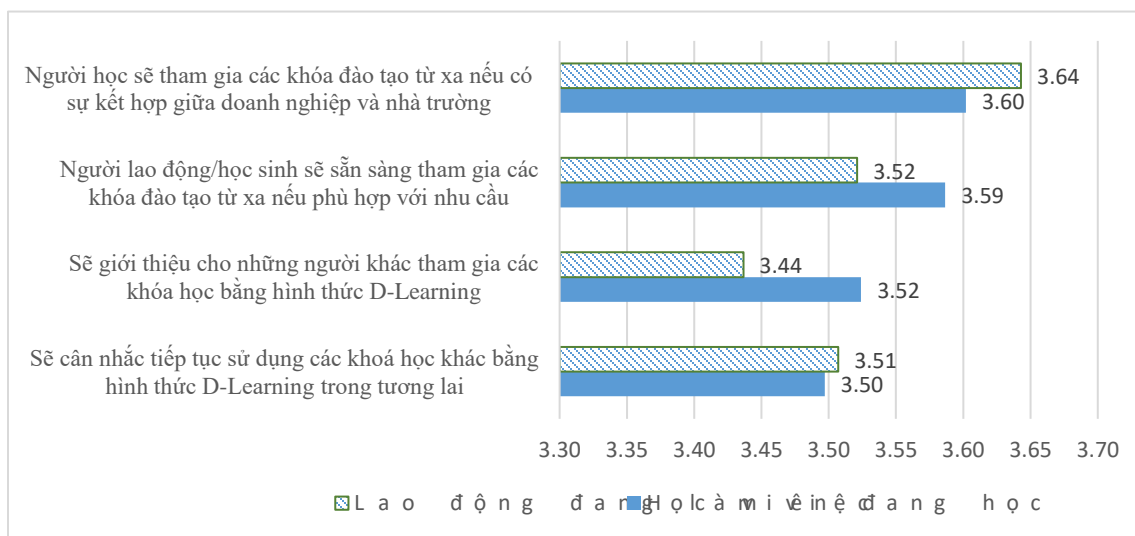
Công nhận năng lực số là một trong những tiêu chí tốt nghiệp/ mục tiêu đào tạo đầu ra	3.58	4.36	3.22	3.61
---	------	------	------	------

Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của dự án

Với những ưu điểm, lợi ích rõ ràng mà hình thức ĐTTX/trực tuyến đem lại cho thấy cần thiết duy trì, thúc đẩy sự phát triển để hình thức này phát huy hơn nữa lợi thế và đóng góp có hiệu quả vào sự phát triển chung của toàn hệ thống GDNN trong tương lai.

Hình thức đào tạo từ xa phù hợp với thực tiễn vẫn được sự quan tâm của người lao động và người học trong tương lai. Lao động đang làm việc mong muốn tiếp tục đào tạo từ xa để bổ sung kiến thức phù hợp với công việc đang làm việc. Đối với người đang học cũng nhận thấy đây là hình thức học tập phù hợp nếu có sự kết hợp giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Về việc lan tỏa hình thức đào tạo này cho cộng đồng thì từ người đã làm việc đánh giá cao hơn so với người đang học vì bản thân người đi làm họ hiểu được lợi ích của việc học trong công việc thực tế, còn đối với người đang học thì chưa có trải nghiệm trong công việc nên việc sẵn sàng giới thiệu cho những người khác học hình thức này ở mức thấp hơn.

**Hình 3 Nhu cầu tham gia học đào tạo từ xa**



## 2. Đánh giá tình hình triển khai hình thức ĐTTX

### 2.1 Tuyển sinh và quá trình chuẩn bị triển khai ĐTTX

Dịch Covid 19 đã đem lại cơ hội thúc đẩy hình thức đào tạo từ xa của các cơ sở GDNN. Từ kết quả thảo luận nhóm và thông tin khảo sát thu được cho thấy,

đa số các cơ sở GDNN bắt đầu triển khai đào tạo từ xa/trực tuyến với lý do phổ biến nhất là do dịch Covid. Tuy nhiên, đa số các cơ sở rút kinh nghiệm từ ảnh hưởng dịch Covid năm 2020 nên ngay từ đầu năm 2021 đã lên kế hoạch tuyển sinh online, thông báo thông tin các ngành nghề tuyển sinh cụ thể trên website của trường cũng như gửi thông tin rộng rãi đến các trường THCS, THPT và các doanh nghiệp “tiềm năng” có nhu cầu đào tạo cho lao động.

*Thay đổi hình thức tuyển sinh phù hợp trong bối cảnh Covid 19 cũng đã đem lại hiệu quả cho các cơ sở GDNN.* Việc trực tiếp đi đến các địa phương hay tổ chức các sự kiện, hoạt động mang tính quảng bá để tuyển sinh năm nay đều bị hủy bỏ, thu hẹp tối đa và chuyển thành các sự kiện online nên việc tuyển sinh cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Những cơ sở chủ động và chuẩn bị kỹ càng cho hoạt động này đã giảm thiểu được ảnh hưởng tiêu cực của dịch và vẫn đạt được mục tiêu tuyển sinh đề ra trong bối cảnh còn nhiều khó khăn này.

**Bảng 2 Tác động của dịch Covid đến hoạt động đào tạo**

	<b>Đại diện cơ sở GDNN</b>	<b>Đại diện doanh nghiệp</b>	<b>Đại diện Sở LĐTĐBXH</b>	<b>Chung</b>
Dịch Covid đem lại cơ hội thúc đẩy phát triển đào tạo từ xa	3.65	4.27	3.38	3.54
Hình thức đào tạo từ xa phù hợp trong bối cảnh dịch Covid 19	3.71	4.45	3.41	3.69
Dịch Covid tạo động lực để nhà trường chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo từ xa và chuyển đổi số	3.66	4.27	3.39	3.64
Tuyển sinh học viên cho các chương trình đào tạo từ xa thuận lợi hơn trong bối cảnh Covid	3.47	4.36	3.25	3.63

*Nguồn: Tính toán từ số liệu khảo sát của dự án*

Bên cạnh đó, ngay từ trước khi dịch Covid xảy ra cũng đã có một vài cơ sở GDNN triển khai hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến do nhà trường nhận thấy nhu cầu của người học đối với hình thức đào tạo này. Đây chủ yếu là các trường cao đẳng nghề có qui mô đào tạo lớn, có uy tín và “thương hiệu” tốt về đào tạo nghề nên có đủ nguồn lực để đầu tư phát triển về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và cả nhân lực

để triển khai hệ thống “đào tạo từ xa”. Hình thức chủ yếu là đào tạo nghề ngắn hạn cho học viên ở xa (kết hợp đào tạo với các trung tâm GDNN tại các địa phương, tỉnh/TP khác) và thông qua mô hình hợp tác với doanh nghiệp.

*Mức độ sẵn sàng của các cơ sở GDNN đối với việc triển khai đào tạo từ xa/trực tuyến*

Có thể khẳng định, dịch Covid là yếu tố quan trọng thúc đẩy các cơ sở GDNN chuyển đổi từ đào tạo trực tiếp sang giảng dạy online/trực tuyến vì trước khi dịch diễn ra, gần như toàn bộ các cơ sở GDNN chỉ tiến hành đào tạo trực tiếp. Trong thời gian giãn cách không chỉ học viên mà cả giáo viên, cán bộ cũng không thể đến trường nên một số cơ sở cũng triển khai hình thức đào tạo trực tuyến trong trạng thái bị động. Do thiếu sự chuẩn bị/sẵn sàng nên trong quá trình triển khai cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Bên cạnh đó, cũng tồn tại nhiều khó khăn, thách thức mang tính khách quan đối với việc triển khai hình thức đào tạo này (các nội dung được trình bày tại mục riêng, phía sau).

Mặc dù, trong trạng thái bị động nhưng thực tế cũng cho thấy các cơ sở GDNN có khả năng thích nghi nhanh chóng đối với việc chuyển đổi. Cụ thể là chỉ một thời gian ngắn sau khi có các công văn hướng dẫn của Tổng cục GDNN, hầu hết các cơ sở GDNN đều đã thực hiện được hình thức đào tạo này một cách linh hoạt và có hiệu quả. Bên cạnh đó, các cơ sở cũng đã xây dựng phương án để duy trì hình thức đào tạo này đồng thời lập kế hoạch/chiến lược về chuyển đổi số trong dài hạn.

## **2.2 Tổ chức đào tạo từ xa/trực tuyến**

*Đối tượng và ngành nghề phù hợp với hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến:*

Trước hết, đào tạo từ xa hay đào tạo trực tuyến được nhận định là phù hợp với tất cả các đối tượng người học ở các cấp trình độ đào tạo, đối tượng mới tốt nghiệp THCS hay THPT đều có thể học nghề với hình thức đào tạo trực tuyến. Đa số các ý kiến đều đồng tình là hình thức ĐTTX phù hợp và có thể đào tạo trực tuyến với thời lượng gần như 100% với các nghề đào tạo trong lĩnh vực CNTT như: Quản trị mạng, Thiết kế đồ họa, Lập trình, Xử lý dữ liệu và 2 nghề không phải nghề “kỹ thuật” là Ngoại ngữ và nghề Kế toán doanh nghiệp (có thể đào tạo từ xa



đến 80% nội dung còn một số nội dung thực hành liên quan đến hệ thống kế toán của doanh nghiệp hay công ty thì học viên vẫn cần đến trường để thực tập).

Ở hầu hết các cơ sở GDNN, tất cả các môn học chung và các nội dung lý thuyết đều đã được nhà trường dạy tranh thủ dạy trong thời gian giãn cách khi cả giáo viên và học sinh không thể đến trường. Đối với những trường cao đẳng và trung cấp thì việc chuyển đổi sang đào tạo trực tuyến không mất nhiều thời gian, nhất là những trường đã có thực hiện các hoạt động về “chuyển đổi số”.

### ***Hộp 1 Thực hiện chuyển đổi số tạo môi trường triển khai đào hình thức đào tạo trực tuyến***

Thời gian qua nhà trường đã thực hiện các hoạt động trong chuyển đổi số như: xây dựng và sử dụng phần mềm quản lý chương trình - kết quả đào, quản lý hồ sơ sổ sách đào tạo; tuyển sinh trực tuyến, quản lý nhân sự, tài chính và cơ sở vật chất; xây dựng thư viện điện tử; số hóa học liệu, bài giảng; ứng dụng phần mềm dạy và học trực tuyến; xây dựng một số phòng thực hành mô phỏng thuộc lĩnh vực Điện, Cơ khí, Hàn, Chế tạo khuôn mẫu; rà soát cập nhật nội dung kiến thức, kỹ năng, công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cuộc CMCN 4.0 vào chương trình để đào tạo cho HSSV; sử dụng phần mềm văn phòng điện tử kết nối với các cơ quan, đơn vị công lập trong tỉnh,... Những hoạt động nêu trên đã góp phần giúp trường tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí, qua đó nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của trường.

*Nguồn: Phòng vấn sâu cán bộ trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa- Vũng Tàu*

#### **❖ Đào tạo trực tuyến tại các cơ sở GDNN**

Trên thực tế, hiện nay hầu hết các nghề chỉ được đào tạo từ xa/trực tuyến một phần và còn các nội dung thực hành học viên sẽ đến trường để học, do đó có một số ý kiến đề xuất đổi tên hình thức đào tạo này phản ánh nội hàm/ý nghĩa rộng hơn, phản ánh đúng về thực tế hiện nay phổ biến là “hình thức đào tạo kết hợp” bao gồm cả giảng dạy trực tiếp và trực tuyến, đào tạo sử dụng các phần mềm công nghệ số.

## ***Vận dụng các qui định của Thông tư 33 trong xây dựng các qui định về triển khai hình thức đào tạo từ xa/đào tạo trực tuyến ở các cơ sở GDNN***

Để triển khai đào tạo trực tuyến, các cơ sở GDNN đã căn cứ, vận dụng một số qui định của Thông tư 33 và các công văn hướng dẫn triển khai đào tạo trực tuyến của Tổng cục GDNN (Công văn số 1301/LĐT BXH-TCGDNN 14/4/2020 V/v hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến) để xây dựng các qui chế về tổ chức đào tạo trực tuyến (Ban hành văn bản nội bộ về học trực tuyến; Thi, đánh giá, kiểm tra trực tuyến...). Tuy nhiên, các quyết định, văn bản mà các cơ sở GDNN ban hành chủ yếu là Quy chế về đào tạo trực tuyến với điều kiện áp dụng trong bối cảnh có thiên tai, dịch bệnh, giãn cách xã hội dẫn đến việc không thể thực hiện đào tạo trực tiếp, không phải là qui chế đối với hình thức ĐTTX và tự học có hướng dẫn.

Đối với các qui định và hướng dẫn thi hành cụ thể của thông tư 33 thì qua khảo sát, có 3 điều được nhiều cơ sở GDNN cho biết đã vận dụng để xây dựng qui chế là : Điều 3. Chương trình, giáo trình đào tạo; Điều 4. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và Điều 5. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn. Các cơ sở GDNN cũng xây dựng các nội qui cụ thể trong để bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến như:

- *Qui định đối với giáo viên khi thực hiện việc quản lý lớp:* Giáo viên điểm danh đầu giờ (và cuối giờ), yêu cầu học sinh bật camera trong suốt thời gian học, chụp màn hình gửi về phòng bảo đảm chất lượng về số học viên “có mặt”; Học viên vắng mặt không có lý do thì giáo viên giảng dạy thông báo cho giáo viên chủ nhiệm để gửi thông báo đến phụ huynh; Giáo viên gửi báo cáo online về các vấn đề phát sinh trong quá trình giảng dạy.
- *Qui định về bảo đảm chất lượng:* Hàng tuần cán bộ phòng đảm bảo chất lượng sẽ tham gia dự giờ các lớp học để đánh giá chất lượng giảng dạy, tình hình kỷ luật và thái độ học tập của các học viên.
- *Qui định khen thưởng và xử lý vi phạm:* Học viên có thành tích học tập tốt, chuyên cần, tham gia các cuộc thi đạt giải thưởng (online) thì được nhà trường khen thưởng bằng điểm số khuyến khích hoặc phần thưởng...; Học viên vi phạm các qui định trên lớp hoặc không làm bài/nộp bài về nhà đầy đủ,

đúng hạn sẽ bị xử lý dưới các hình thức như: bị trừ điểm, viết bản kiểm điểm hay đình chỉ tham gia học trực tuyến (1-3 ngày).

❖ **Đào tạo trực tuyến tại các doanh nghiệp**

- Thực tế các doanh nghiệp/công ty thường không đào tạo những ngành nghề kỹ thuật mà đòi hỏi chi phí đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị như cơ khí, điện, xây dựng... Ngược lại, các doanh nghiệp/công ty “cạnh tranh” với các cơ sở GDNN trong các nghề phổ biến như: Công nghệ thông tin như Phát triển phần mềm, Thiết kế phần mềm, Thiết kế đồ họa, Lập trình...; nghề Kế toán và Ngoại ngữ
- Đối với các doanh nghiệp đã triển khai đào tạo từ xa thời gian qua cho biết hoạt động diễn ra khá thuận lợi vì các doanh nghiệp tận dụng được thế mạnh về hạ tầng công nghệ thông tin cũng như cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo. Một số công ty lớn đã triển khai việc đào tạo trực tuyến rất bài bản, có chiến lược đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo và học liệu số có chất lượng và phục vụ theo đúng nhu cầu của doanh nghiệp. Quá trình đào tạo có sự phân loại về nội dung, cấp trình độ cho các đối tượng học (người lao động) và phân công trách nhiệm đào tạo cụ thể cho các cán bộ chuyên trách. Do đó, việc triển khai đào tạo trực tuyến được các doanh nghiệp cho biết là đã thu được các kết quả tốt và đạt mục tiêu đề ra.

**Hộp 2 Mô hình hợp tác đào tạo với DN của trường TC KTKT Nguyễn Hữu Cảnh**

Nghề đào tạo: Điện Công nghiệp và Dân dụng (trình độ trung cấp)

Ngày 4.10.2021 trường khai giảng khóa đào tạo gồm 24 học viên - đối tượng là người lao động đến từ 7 doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực là sản xuất thiết bị điện, sửa chữa và thi công công trình điện. Để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, nhà trường tổ chức đào tạo với khung thời gian linh hoạt phù hợp với lịch làm việc của Người lao động và doanh nghiệp. Thời gian học vào các buổi tối từ 6h-9h, từ thứ 2-7. Nhà trường tập trung đào tạo lý thuyết theo hình thức trực tuyến và phối hợp với doanh nghiệp triển khai đào tạo thực hành. Giáo viên tham gia đào tạo không chỉ có chuyên môn vững vàng mà còn có tay nghề “cứng” vì dạy cho đối tượng là lao động đã có kinh nghiệm và tay nghề. Học viên được thực hành ở các vị trí việc làm khác nhau của 7 doanh nghiệp. Điều này tạo cho người học có trải nghiệm phong phú về thực tiễn nghề nghiệp cũng như có thể thực hành kỹ năng nghề ở một số vị trí việc làm. Mặc dù ban ngày phải làm việc nhưng do học viên đều đã trưởng thành và có động lực học tập rõ ràng (để nâng cao

trình độ, có cơ hội tăng lương) nên các học viên luôn có thái độ tích cực trong học tập. Trong mô hình đào tạo này, người lao động tham gia học có nhiều lợi ích nhất vì tham gia đào tạo mà vẫn duy trì được việc làm, thu nhập (không tốn kém về chi phí đào tạo do DN tài trợ hoặc nếu người học mới tốt nghiệp lớp 9 thì nhà nước sẽ chi trả).

*Nguồn: Phòng vấn sâu cán bộ nhà trường*

### **2.3 Chương trình và phương pháp đào tạo**

Như đã đề cập, do các cơ sở không tiến hành đào tạo từ xa mà chỉ chuyển đổi các nội dung lý thuyết từ đào tạo trực tiếp sang trực tuyến nên về cơ bản, nội dung của các chương trình đào tạo không thay đổi. Các giáo viên sử dụng các bài giảng trước đây đã thiết kế trên Power point để chỉnh sửa và “làm mới” một số nội dung cho phù hợp với hình thức trực tuyến. Tuy nhiên, các giáo viên cũng đã rất tích cực để thiết kế lại một số nội dung và cải tiến các bài giảng của mình hấp dẫn học viên hơn. Cụ thể, giáo viên chắt lọc lại nội dung lý thuyết, trình bày cô đọng, đơn giản hóa để học viên dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những vấn đề then chốt. Giáo viên cố gắng sưu tầm hoặc tự sản xuất các video clip để minh họa, tạo sự sinh động cho nội dung bài giảng. Ngoài thời gian giảng dạy tập trung trên lớp, giáo viên dành nhiều thời gian cho việc hướng dẫn học viên tìm, nghiên cứu tài liệu, đồng thời giám sát chặt chẽ hơn quá trình “tự học” của học viên thông qua việc thường xuyên giao và chữa bài cụ thể.

*Sự thay đổi phương pháp giảng dạy của giáo viên trong hình thức ĐTTX/trực tuyến*

Phòng vấn sâu với những giáo viên đang trực tiếp giảng dạy trực tuyến cho các học viên hiện nay cho thấy, các giáo viên đều nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của giáo viên chắc chắn có sự thay đổi so với trước đây. Đầu tiên, đối với hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến, vì kiến thức hiện nay học viên có thể tự tìm hiểu ở rất nhiều nguồn khi kết nối Internet nên vai trò truyền thụ kiến thức của giáo viên sẽ không còn lớn/quan trọng như trong phương thức đào tạo truyền thống. Tuy nhiên, qua đánh giá của giáo viên cho thấy, đa số học viên còn thiếu kỹ năng “sàng lọc thông tin” và “phản biện” về thông tin nhận được. Lúc này, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn để học viên có cơ hội luyện tập kỹ năng đó, giúp học viên tìm kiếm và lựa chọn được thông tin chính xác, hiệu quả trong giới hạn thời gian

cho phép. Giáo viên phải định hướng cho người học trong toàn bộ quá trình học tập, vai trò hướng dẫn, kiểm tra người học để người học lĩnh hội được kiến thức của giáo viên cần được đẩy mạnh hơn. Do đó, giáo viên cũng cần chủ động tự học thêm những kiến thức và kỹ năng số để có thể phát triển năng lực chuyên môn giảng dạy, để nói cùng “ngôn ngữ” với học viên để quá trình tương tác hiệu quả hơn. Quan trọng hơn nữa, giáo viên dù không trực tiếp gặp và giảng bài nhưng vẫn phải tìm ra các cách thức để kết nối, trao đổi nhằm nắm bắt được tâm lý và truyền cảm hứng cho học viên.

*Trong giai đoạn dịch Covid 19, khi các cơ sở GDNN thực hiện đào tạo trực tuyến thì các bên liên quan (người học, cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý, doanh nghiệp) đều đánh giá nội dung đào tạo theo hình thức trực tuyến phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số. Nhìn nhận từ các cán bộ giảng dạy, các cán bộ quản lý ở phòng, khoa, lãnh đạo nhà trường cũng như người lao động đang làm việc, học viên đang học tập đều không có sự khác biệt khi đánh giá. Các bên đều đánh giá hình thức đào tạo trực tuyến đều cung cấp nội dung phù hợp với công việc. Đánh giá chung, các nội dung được truyền tải khá dễ hiểu, kiến thức được cập nhật và đặc biệt là sinh động khi sử dụng các hình ảnh và video trong giảng dạy (xem Bảng 2, phụ lục 4).*

### **Hộp 3 Nội dung phương pháp đào tạo trực tuyến của giáo viên**

Để thực hiện một giờ giảng trực tuyến, giáo viên thường phải dành rất nhiều thời gian để chuẩn bị, thường mất ít nhất là gấp đôi, gấp ba so với việc soạn cho 1 tiết học trực tiếp (giảng dạy trên lớp). Ví dụ, đối với nội dung đề dẫn cho tiết thực hành về “Đấu nói điện”, giáo viên phải mất khoảng 3h để vẽ lại các sơ đồ mạch (cho tương thích với thiết bị đào tạo của nhà trường), trong khi đó nếu như sử dụng đạo cụ trực quan để giảng dạy cho học viên thì giáo viên. Khi dạy Lý thuyết giáo viên sẽ đưa ra câu hỏi ngắn và yêu cầu học viên phải hồi nhanh (học viên có cảm giác như tham gia trò chơi chứ không phải bị kiểm tra bài), tạo hứng thú học sinh khi học. Mặc dù có tốn nhiều công sức hơn nhưng bù lại giáo viên cũng được cập nhật, tìm hiểu được nhiều phần mềm giảng dạy, kỹ năng số của GV được tăng lên, kể cả các GV lớn tuổi. Quan trọng nhất là bảo đảm được khả năng tiếp thu bài của học viên và duy trì được sự tương tác với các em mặc dù không giảng dạy được bằng phương pháp trực tiếp.

Giáo viên ở các trường đối tác của dự án GIZ đã được nhà trường tập huấn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo LMS (do GIZ hỗ trợ) và cho biết phần mềm khá dễ sử dụng. Họ có thể đưa được nhiều bài giảng lên hệ thống, tiến hành kiểm tra, quản lý được tiến độ và thời gian mà học viên đưa bài làm vào hệ thống. Tuy nhiên về phương pháp sư phạm đối với hình thức giảng dạy trực tuyến thì chủ yếu là các giáo viên tự trao đổi, góp ý cho nhau. Còn nhiều giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng sư phạm số và bày tỏ mong muốn được học tập một cách chính thức.

#### *- Học liệu số*

Học liệu số được đa số các cơ sở GDNN nhận định là yếu tố vô cùng quan trọng. Học viên trình độ trung cấp hay cao đẳng thì vẫn chưa thể có đủ khả năng để hoàn toàn chủ động để tự tìm tự liệu tài liệu. Hiện nay, các cơ sở vẫn yêu cầu giáo viên phải soạn ra các bài giảng “chuẩn chỉ” để học viên có thể tra cứu trong “phạm vi” hiểu biết, năng lực của mình, sau đó mới xem xét đến việc mở rộng nghiên cứu các tài liệu khác. Các cơ sở đều bày tỏ mong muốn sẽ có được một kho học liệu số để giáo viên và học viên của các cơ sở GDNN có thể sử dụng chung. Tuy nhiên, các cơ sở GDNN cũng có những băn khoăn về quyền sử dụng và chia sẻ tài liệu đến đâu. Vấn đề phân quyền tài liệu sử dụng (ví dụ đối tượng nào chỉ được xem, khi nào thì được quyền tải dữ liệu về) về việc xin phép tác giả về quyền sử dụng. Do đó, cần phải xây dựng kế hoạch tổng thể ngay từ đầu về qui định về cơ chế xây dựng, đóng góp và chia sẻ quyền sử dụng kho dữ liệu số này để tạo thuận lợi cho các cơ sở trong việc triển khai đào tạo theo hình thức từ xa, trực tuyến

#### **2.4 Hạ tầng kỹ thuật**

Qua tham vấn cho thấy, các cơ sở GDNN đã có các trang bị ở mức cơ bản để phục vụ đào tạo từ xa/ trực tuyến đối với các môn học lý thuyết và các môn học lý thuyết liên quan của phần thực hành. Tuy nhiên, đánh giá chung về hạ tầng CNTT tạm thời chỉ đáp ứng được một phần cho giảng dạy từ xa/ trực tuyến. Ví dụ, cơ sở có phòng máy tính nhưng số lượng chưa đáp ứng đủ số lượng sinh viên, hệ thống mạng wifi của trường chưa phủ sóng hết toàn trường. Một số các cơ sở

chưa có hệ thống quản lý đào tạo từ xa, đang thực hiện thuê đơn vị ngoài cung cấp dịch vụ quản lý đào tạo từ xa

Đa số các cơ sở triển khai quản lý hoạt động đào tạo trực tuyến thông qua hệ thống quản lý đào tạo LMS Moodle. Tuy nhiên, cơ sở vẫn đang trong giai đoạn phát triển, hệ thống LMS Moodle chưa được tinh chỉnh nhiều, chưa quản lý được hết các chức năng của Moodle. Việc triển khai buổi học trực tuyến thông qua các phần mềm miễn phí và phổ biến để sử dụng là: Google Meeting, Zoom, MS Team...

#### **Hộp 4 Mô hình đào tạo kết hợp tại trường CDN Lý Tử Trọng**

Chương trình đào tạo của trường là 30% lý thuyết, 70% thực hành trong đó có 40% sinh viên thực tập và học tập tại doanh nghiệp. Trong tình hình dịch COVID-19 để đảm bảo được chất lượng dạy và học, trường đã áp dụng phương pháp giảng dạy thực tế ảo cho sinh viên học thực hành 1 số môn. Hiện nay trường đang có các phòng thực tế ảo như: Phòng thực tế ảo sửa chữa ô tô, Phòng thực tế ảo sửa chữa, bảo trì thang máy - thang cuốn, Phòng thực tế ảo Phần cứng máy tính. Việc dạy và học thực hành ảo sẽ tạo ra 1 môi trường dạy và học thực hành tương tự như đang thực hành tại xưởng

Nhà trường đã nghiên cứu thiết kế hệ thống giảng dạy trực tuyến thông qua công nghệ số hóa trên nền tảng Moodle (LMS) để ứng dụng vào dạy – học trực tuyến và lên kế hoạch xây dựng các phòng thực hành ảo. Có nhiều hoạt động, giải pháp như thu thập thông tin từ phụ huynh và sinh viên để ghi nhận, thảo luận, động viên các gia đình quan tâm, tạo điều kiện về thiết bị cùng đường truyền internet giúp sinh viên học trực tuyến được tốt. Ban giám hiệu tổ chức các buổi họp toàn thể cán bộ, GV để lắng nghe những khó khăn, vướng mắc của GV và sinh viên trong việc dạy – học trực tuyến, từ đó BGH đưa ra biện pháp khắc phục các vấn đề tồn đọng và bố trí bộ phận kỹ thuật hỗ trợ cho GV, SV khi gặp sự cố kỹ thuật.

Nhà trường đã thực hiện “3 tại chỗ” để sinh viên học thực hành tại trường và học thực hành tại doanh nghiệp. Nhà trường và doanh nghiệp hỗ trợ ăn, ở, liên hệ với cơ sở y tế để tiêm vaccine COVID-19, các điều kiện sinh hoạt và học hành cho SV trong suốt thời gian học thực hành, thực tập tại trường và doanh nghiệp.

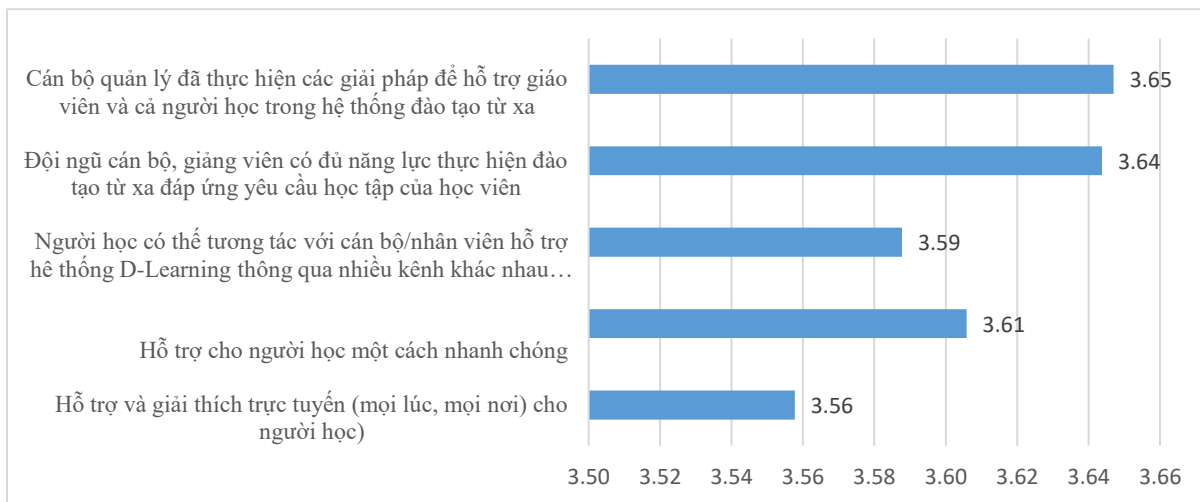
*Nguồn: Thảo luận với cán bộ lãnh đạo và giáo viên trường CDN Lý Tử Trọng*

#### **2.5 Cán bộ quản lý và giáo viên**

*Nhìn chung đội ngũ cán bộ và giáo viên quản lý được đánh giá tương đối tốt khi thực hiện hoạt động đào tạo từ xa/học trực tuyến. Điểm mạnh là luôn hỗ trợ*

người học trong quá trình đào tạo từ xa; đội ngũ giảng viên cũng được đánh giá là đủ năng lực thực hiện đào tạo từ xa và đáp ứng được yêu cầu của học viên. Tuy nhiên, mức điểm số đánh giá chưa thực sự cao (đạt 3,6 và 3,5 trên điểm tối đa 5) cho thấy đội ngũ giáo viên vẫn gặp những khó khăn nhất định khi triển khai tổ chức thực hiện đào tạo từ xa.

**Hình 4 Đánh giá chung về cán bộ hỗ trợ triển khai hình thức đào tạo từ xa**



*Tình hình đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên:*

Từ năm 2018 đến nay, Tổng cục GDNN đã phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) tổ chức khóa học tích hợp ảo cho 25 nhà giáo; Tổ chức hợp tác quốc tế CHLB Đức (GIZ) triển khai các khóa bồi dưỡng về phương pháp sư phạm số cho 180 nhà giáo. Hiện tại, Tổng cục GDNN đang phối hợp với GIZ để chuẩn bị triển khai các khóa bồi dưỡng sư phạm số cho khoảng 600 nhà giáo, cán bộ quản lý. Tổng cục đang phối hợp với Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF) xây dựng chương trình bồi dưỡng tiếp cận năng lực trong giáo dục nghề nghiệp theo hình thức trực tuyến cho đội ngũ nhà giáo GDNN dự kiến sẽ thí điểm tổ chức bồi dưỡng vào năm 2022.

Qua cuộc thi “Thiết kế dạy học trực tuyến trong GDNN” tại hội giảng 2021 và thực tiễn thời gian qua, có thể thấy, đội ngũ nhà giáo đã chủ động, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển đổi từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến, góp phần duy trì hoạt động đào tạo của cơ sở GDNN trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định đặc



biệt là đối với nhà giáo ở các cơ sở GDNN thuộc vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nền tảng kỹ thuật. Bên cạnh đó, nhiều nhà giáo chưa được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, năng lực sư phạm số nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc chuyển đổi hình thức tổ chức và chất lượng đào tạo.

### **Hộp 5 Đánh giá năng lực của đội ngũ nhà giáo GDNN qua Hội giảng năm 2021**

Hội giảng nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021 lần đầu tiên được tổ chức theo hình thức trực tuyến với hơn 400 nhà giáo tham dự thuộc 55 địa phương và 06 Bộ, ngành đã khẳng định sự sẵn sàng và năng lực của đội ngũ nhà giáo GDNN trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy để thích ứng với bối cảnh hiện tại. Đặc biệt, trong khuôn khổ Hội giảng nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021, Tổng cục GDNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế CHLB Đức tổ chức Cuộc thi “*Thiết kế giảng dạy trực tuyến trong GDNN*”. Cuộc thi đã thu hút hơn 600 nhà giáo tham dự ở vòng thi cấp cơ sở (Vòng 1) thuộc hơn 50 địa phương trên cả nước.

*Nguồn: Vụ Nhà giáo - Tổng cục GDNN*

*Định hướng phát triển đào tạo GDNN trong đó có đội ngũ giáo viên, giảng viên phục vụ đào tạo từ xa giai đoạn 2022-2025*

Tại dự thảo Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, giải pháp “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN” được xác định là giải pháp trọng tâm để thực hiện mục tiêu chiến lược và trong Dự thảo đề án “Chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến 2030” thì nhiệm vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo số cho đội ngũ nhà giáo GDNN được xác định là giải pháp quan trọng. Điều này cho thấy Tổng cục GDNN luôn coi trọng sự cần thiết về nâng cao năng lực, hoàn thiện kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo GDNN.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ sử dụng công nghệ CNTT/kỹ năng số và phương pháp sư phạm số cho đông đảo đội ngũ nhà giáo GDNN thì phương thức thực hiện việc này một cách nhanh chóng và hiệu quả chính là thông qua các khóa đào tạo online cho giáo viên. Bản thân khi giáo viên

tham gia với vai trò là người học sẽ hiểu hơn, được cảm nhận về những khó khăn của học viên khi học trực tuyến. Từ đó, giáo viên sẽ có ý thức hơn khi vận dụng các kỹ năng “sư phạm số” kết hợp với cải tiến chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp hơn với năng lực và yêu cầu của học viên khi tham gia đào tạo trực tuyến.

## **2.6 Học viên**

### *❖ Học viên của các cơ sở GDNN*

- *Sự phù hợp của học viên trong đào tạo trực tuyến:* ĐTTX là hình thức phù hợp với hầu hết các đối tượng người học có năng lực và điều kiện kinh tế ở mức trung bình và học viên ở những khu vực xa xôi, hẻo lánh nông thôn. ĐTTX có nhiều hạn chế với đối tượng yếu thế là học viên khuyết tật về thị giác, thính giác và những học viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện mua các thiết bị học tập tối thiểu là điện thoại thông minh và chi trả chi phí kết nối internet.

- Đa số các giáo viên nhận định: Sinh viên hệ cao đẳng do có kiến thức nền tảng về các môn học phổ thông kết hợp với khả năng sử dụng CNTT khá thành thạo nên hầu hết đều có thể tiếp thu được bài giảng trực tuyến đạt yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, các em cũng có khả năng tự tìm hiểu và tự củng cố như có ý thức trong học tập nên các giáo viên thường không gặp khó khăn hay trở ngại gì lớn khi dạy các sinh viên cao đẳng ở các ngành nghề. Học sinh trình độ trung cấp thì năng lực, khả năng tiếp thu ít hiệu quả hơn so với cao đẳng nhưng nhìn chung vẫn chấp nhận được. Đối với các học sinh hệ 9+ thì còn khá vất vả trong quá trình học tập trực tuyến tại nhà. Các em còn nhỏ nên chưa có tinh thần tự học do đó, giáo viên thường phải dành nhiều thời gian cho việc quản lý lớp, nhắc nhở các học và làm bài tập chứ không phải chỉ giảng dạy và hướng dẫn làm bài.

-*Khả năng tiếp thu của học viên:* Theo nhận định giáo viên, trình độ nào cũng có học viên có năng lực tiếp thu tốt và học viên chưa tốt, phụ thuộc vào ý thức học tập của các em, điều kiện học tập và phương pháp truyền thụ của giáo viên, tất nhiên những học sinh khá giỏi thường tiếp thu nhanh hơn các học viên năng lực trung bình. Tuy nhiên, mức độ tiếp thu của học viên chủ yếu phụ thuộc vào thái độ học tập của các em. Việc học trực tuyến phản ánh rõ hơn về sự “phân hóa” trình độ học viên. Cụ thể trong lớp học thường hình thành 2 nhóm: Nhóm học viên có

ý thức học tốt thường là các học viên/sinh viên vừa có thái độ học tập tích cực và năng lực học tốt. Các học viên này tự giác, tập trung khi nghe bài trên lớp (online), luôn hoàn thành bài tập được giáo viên giao. Tóm lại, nếu học viên thiếu tập trung, thái độ học tập không tích cực thì giáo viên dù có cố gắng cũng rất khó để cải thiện khả năng tiếp thu của các em.

Bên cạnh đó, trang thiết bị học tập cũng có ảnh hưởng tương đối lớn đến chất lượng và việc tiếp thu bài của học viên. Những học viên có máy tính để học thì tiếp nhận thông tin và làm các bài thực hành tốt hơn so với học viên dùng điện thoại thông minh vì có số ứng dụng chuyên ngành không thể chạy được trên điện thoại (như vẽ đồ họa, xử lý số liệu). Tuy nhiên trên thực tế có không ít học viên không có máy tính cá nhân dẫn đến hạn chế trong việc học tập

❖ *Đối tượng là người học là lao động làm việc tại doanh nghiệp*

Các lao động khi tham gia đào tạo nhận thức được lợi ích thiết thực mà mình sẽ có được nên tính tự giác, chủ động trong học tập cũng tốt hơn so với đối tượng là các học viên ở các trường. Bên cạnh đó, do đã sẵn có kinh nghiệm và kỹ năng nghề nên việc học từ xa/online các môn học lý thuyết không gây nhiều khó khăn cho người lao động.

### **3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai**

#### **3.1 Thuận lợi:**

Tiến bộ khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy việc triển khai các hình thức đào tạo trực tuyến. Các phần mềm hỗ trợ đào tạo trực tuyến đều được đánh giá là thân thiện với người dùng và đa số các phần mềm đều được miễn phí nên được các cơ sở tiếp cận đưa vào đào tạo. Các giáo viên cũng khá nhanh nhạy trong việc nắm bắt và sử dụng các phần mềm này nên không gặp nhiều khó khăn trong giảng dạy các nội dung lý thuyết.

Như đã đề cập, mặc dù không phải là điều mong muốn song trên thực tế dịch Covid xảy ra thực sự tạo ra “bối cảnh thuận lợi” – giống như cú huých mạnh mẽ để hầu hết các cơ sở GDNN và doanh nghiệp nhanh chóng chuyển đổi hình thức đào tạo sang trực tuyến. Qua trải nghiệm thực tế, các cơ sở và giáo viên đã rút ra được nhiều bài học để từng bước khắc phục những điểm còn hạn chế và phát huy những thế mạnh của hình thức đào tạo trực tuyến. Từ đó, các trường sẽ tạo được

cơ sở tiếp tục duy trì hình thức đào tạo trong bối cảnh mới, kể cả khi dịch Covid có thể chấm dứt.

Trong xu thế chuyển đổi số, các cơ sở GDNN cũng đã được nâng cao về nhận thức cũng như được tiếp cận, tăng cường năng lực trong việc xây dựng kế hoạch, từ đó làm cơ sở để triển khai đầu tư một cách đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng về chuyển đổi số, tạo điều kiện, môi trường phát triển hình thức đào tạo từ xa.

### **3.2 Khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai ĐTTX**

Mặc dù ĐTTX có nhiều ưu điểm và lợi ích như đã đề cập, tuy nhiên chủ yếu do tác động của dịch Covid nên hình thức đào tạo này mới được các cơ sở áp dụng trong thời gian gần đây vì có nhiều khó khăn mang tính khách quan và chủ quan.

*Khó khăn khách quan:*

- *Do yêu cầu thực hành đối với đào tạo nghề của GDNN:* Theo ý kiến thảo luận chung thì hạn chế/khó khăn lớn nhất đối với hình thức ĐTTX là đó là lĩnh vực GDNN có nhiều nghề kỹ thuật với trọng tâm đào tạo kỹ năng thực hành nên ở nhiều nghề rất khó, thậm chí không thể áp dụng việc hướng dẫn thực hành “ảo” từ xa cho học viên. Các công nghệ về thực tế ảo tiên tiến nhất hiện tại cũng chưa thể mô phỏng/hỗ trợ hoàn toàn các kỹ năng thực hành. Đồng thời, đối với nhiều nghề, học viên cũng không thể có điều kiện để chuẩn bị nguyên vật liệu và máy móc thiết bị để có thể thực hành tại nhà. Do đó, đào tạo từ xa sẽ không thể là phương thức đào tạo chủ đạo của những nghề này.

- *Do đặc thù về kiểm tra đánh giá trong ngành nghề:* Đối với đào tạo thực hành và khi kiểm tra, đánh giá cả giáo viên và người học sẽ rất khó xác định được mức độ chính xác các thao tác nếu không được thực hành trên các ĐTTX/trực tuyến. Đây có thể coi là hạn chế quan trọng vì dù có thể triển khai đào tạo nhưng việc kiểm tra, thi không đảm bảo tính, chính xác, công bằng thì không thể đánh giá đúng năng lực của người học cũng như mức độ tin cậy về chất lượng đào tạo.

- *Điều kiện học tập không đảm bảo đối với các học viên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn:* Ở các thành phố lớn, đa số các học viên đều có máy tính hoặc điện thoại thông minh nên triển khai học trực tuyến là điều tương đối dễ dàng và phổ biến. Tuy nhiên, các học viên tham gia học nghề ở khu vực nông thôn thường có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hơn. Gia đình không có điều kiện mua sắm đầy đủ trang

thiết bị (máy tính, điện thoại) và kết nối được internet nên các em các trường phải dùng chung điện thoại với người nhà hay dùng “nhà” mạng internet của nhà hàng xóm là khá phổ biến. Do đó, các học viên này khó có thể tham gia đầy đủ và hiệu quả các buổi học trực tuyến như những học viên khác.

Bên cạnh đó, kể cả với các học viên đã có đủ trang thiết bị thì vẫn thường xuyên gặp những vấn đề làm giảm hiệu quả, chất lượng của đào tạo trực tuyến, phổ biến nhất là kết nối đường truyền không ổn định hay bị tác động của ngoại cảnh (môi trường học tại nhà không được yên tĩnh, khiến học viên mất tập trung)...

### ***Khó khăn mang tính chủ quan***

*Trước hết về nhận thức:* Qua thảo luận cho thấy, vẫn còn một số lãnh đạo và cán bộ của các cơ sở GDNN chưa thực sự tin tưởng vào hình thức đào tạo này mà vẫn chỉ coi đây là biện pháp tạm thời nhà trường sử dụng, khi dịch qua đi thì sẽ trở lại với phương thức giảng dạy trực tiếp. Do đó, các trường cũng sẽ không dành nhiều nguồn lực để đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ để triển khai ĐTTX.

Bên cạnh đó, tên gọi của hình thức đào tạo chưa hấp dẫn, vô tình có thể tạo thành rào cản, hạn chế đối tượng học. Một số đại diện của cơ sở GDNN tham gia thảo luận cho biết nhà trường sẽ rất khó tuyển sinh nếu sử dụng tên gọi “đào tạo từ xa” vì chắc nhiều phụ huynh sẽ có tâm lý “e ngại” và không muốn đăng ký hình thức “đào tạo từ xa” cho con em mình. Học viên học nghề là những học sinh mới tốt nghiệp THCS nên phụ huynh thường mong muốn con được đi học trực tiếp để nắm vững kiến thức, tay nghề đồng thời nhà trường có thể kiểm tra, quản lý con mình em được tốt hơn.

*Khó khăn về đầu tư cơ sở hạ tầng:* Để triển khai ĐTTX hiệu quả và có chất lượng đòi hỏi cần có sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng công nghệ (bao gồm 6 thành tố như đã nêu trong Thông tư) tuy nhiên, điều này sẽ là rất khó khăn đối với nhiều cơ sở GDNN công lập vì kinh phí đầu tư hạn hẹp. Về phía các cơ sở GDNN, chỉ một số trường được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị, phương tiện để phục vụ hoạt động đào tạo trực tuyến. Trong khi đó, việc đầu tư đồng bộ không chỉ đòi hỏi nguồn lực lớn mà còn cần có kế hoạch và tầm nhìn dài hạn cho hoạt động này.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở một số giáo viên còn hạn chế, việc sử dụng các phần mềm học trực tuyến chưa thành thạo dẫn đến thực hiện bài giảng chưa hiệu quả.

- Các nội dung, chương trình học liệu chưa được ‘số hóa’ đầy đủ nên cả giáo viên và người học mới chỉ học được ở mức độ cơ bản và gặp nhiều khó khăn khi muốn học tập nâng cao trình độ.

Cuối cùng, khó khăn đối với việc triển khai hình thức ĐTTX là cơ hội phát triển giữa các cơ sở chưa bình đẳng. Cụ thể các tỉnh/thành phố lớn vừa có được hạ tầng công nghệ hiện đại, đầy đủ, các học viên có điều kiện kinh tế bảo đảm hơn. Do đó các cơ sở GDNN lớn (trường CDN chất lượng cao) ở các thành phố, khu vực kinh tế phát triển có nhiều lợi thế trong việc triển khai hình thức đào tạo này. Trong khi đó, các cơ sở GDNN ở địa bàn nông thôn xa xôi, nhất là các trung tâm GDNN sẽ gặp nhiều bất lợi hơn và khó có thể “cạnh tranh” được với các trường lớn khi triển khai hình thức ĐTTX/trực tuyến. Điều này sẽ làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa nhóm cơ sở GDNN “mạnh” và “nhóm yếu”. Do đó, các cơ sở GDNN “yếu hơn” cần phải tìm tòi, chọn lọc ra những nghề, môn học, nội dung đào tạo có tính đặc thù-là thế mạnh có thể triển khai hình thức đào tạo trực tuyến để nếu không muốn tiếp tục bị lùi lại xa hơn trên chặng đường phát triển.

## PHẦN 3 MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Qua quá trình tổng hợp, phân tích thông tin và đánh giá về tình hình triển khai hình thức đào tạo ĐTTX và tự học có hướng dẫn đã cho thấy thực tế hầu hết các cơ sở GDNN và doanh nghiệp tham gia trong lĩnh vực GDNN đang triển khai hình thức đào tạo trực tuyến. Do đó, để có thể đưa Thông tư 33/2018 vận dụng trong thực tiễn cũng như thúc đẩy hình thức đào tạo này nhóm tư vấn đề xuất một số khuyến nghị sau:

### **3.1 Khuyến nghị để Thông tư 33/2018 sớm vận dụng trong thực tiễn và thúc đẩy hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn**

#### **3.1.1 Đối với Tổng cục GDNN và cơ quan quản lý nhà nước về GDNN tại các địa phương**

*Khuyến nghị 1: Hoàn thiện chính sách, các qui định, văn bản hướng dẫn*

- Trước hết, các đơn vị có liên quan của Tổng cục GDNN (Vụ đào tạo thường xuyên làm đầu mối) cần sớm thống nhất ý kiến và tiến hành bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung của Thông tư 33 phù hợp với bối cảnh và tình hình mới hiện nay. Bổ sung các quy định trong tổ chức đào tạo, đánh giá và công nhận kết quả đào tạo trực tuyến...; Tham khảo các kết quả nghiên cứu, khuyến nghị của nhóm chuyên gia và tổng hợp các ý kiến góp ý của các đại biểu Hội thảo kỹ thuật để điều chỉnh một cách toàn diện nội dung của thông tư.
- Chủ động xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư một cách kịp thời (ngay sau khi Thông tư sửa đổi được ban hành). Cụ thể xây dựng các qui định, hướng dẫn cụ thể đối với một số vấn đề được các cơ sở GDNN và doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề quan tâm và gặp vướng mắc trong quá trình triển khai như: qui định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các phần mềm ứng dụng sử dụng cho triển khai hình thức đào tạo từ xa; Cơ chế khuyến khích sự đóng góp, sử dụng/khai thác kho học liệu số; Qui định về kiểm tra, thi và đánh giá trực tuyến; Cách thức và nội dung (biểu mẫu) về đăng ký tuyển sinh/ báo cáo kết quả đào tạo theo hình thức trực tuyến một cách đơn giản và hiệu quả.
- Rà soát các văn bản, qui định có liên quan và đề xuất hướng điều chỉnh, chỉnh sửa (nếu cần thiết) để bảo đảm tính nhất quán, chính xác giữa các

văn bản, bảo đảm hiệu lực cho việc thực hiện. Ví dụ, xem xét, sửa đổi một số điều của Thông tư quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó có nội dung liên quan đến đào tạo trực tuyến để tháo gỡ những hạn chế, bất cập hiện nay trong quy định chế độ làm việc của nhà giáo và phù hợp với xu thế chuyển đổi số, đào tạo trực tuyến trong bối cảnh hiện tại và tương lai.

- Cần sớm ban hành đầy đủ, đồng bộ hành lang pháp lý về chuyển đổi số, hoàn thiện và triển khai “Đề án chuyển đổi số trong GDNN giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030” để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở GDNN thực hiện một cách thống nhất và hiệu quả.

*Khuyến nghị 2: Thúc đẩy chuyển đổi số, tạo cơ hội thuận lợi để triển khai hình thức đào tạo từ xa/ đào tạo kết hợp*

- Tăng cường truyền thông về chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực GDNN nhằm *nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ sở GDNN, cán bộ, giảng viên, HSSV và cộng đồng về vai trò và lợi ích của CDS trong GDNN*, đồng thời lồng ghép tuyên truyền, cung cấp các thông tin, văn bản hướng dẫn về triển khai đào tạo hình thức đào tạo từ xa.
- Đổi mới phương thức truyền thông, sử dụng hiệu quả, an toàn các mạng xã hội và kết hợp sử dụng các phương tiện truyền thông khác để chia sẻ sâu rộng thông tin về các điển hình thành công trong triển khai hình thức đào tạo từ xa và đào tạo kết hợp, từng bước làm thay đổi nhận thức, sự quan tâm tạo sự đồng thuận và ủng hộ của người học, cơ sở GDNN, doanh nghiệp và cả xã hội đối với hình thức đào tạo này.
- Đẩy mạnh triển khai hoàn thiện hệ thống CSDL toàn ngành GDNN để kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ Trung ương đến địa phương, nhà trường và đồng bộ với các CSDL quốc gia về GDNN, CSDL chuyên ngành khác góp phần hình thành CSDL mở quốc gia
- Xây dựng chính sách, chương trình hỗ trợ các trường đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, thiết bị CNTT đồng bộ, các hệ thống giải pháp học tập VLE/LMS có tính tương tác cao; phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, phòng học thông minh, các thiết bị phát triển học liệu số; đảm bảo môi trường mạng thông



suốt, ổn định, an toàn thông tin; tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ nhân lực (cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên) các kiến thức, kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy học và quản lý. Ngay trong những năm đầu tiên, cần chú trọng, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng về năng lực sư phạm số, phương pháp giảng dạy hiện đại cho đội ngũ nhà giáo để đảm bảo đội ngũ nhà giáo thích ứng tốt nhất với bối cảnh chuyển đổi số trong GDNN, duy trì và đảm bảo chất lượng đào tạo trong trạng thái bình thường mới.
- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển học liệu số ở tất cả các cấp trình độ, nghề học, gắn với việc kết nối, chia sẻ học liệu giữa các địa phương, nhà trường; hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời.
- *Triển khai mô hình thí điểm về nền tảng dùng chung*: Khuyến khích các cơ sở GDNN và doanh nghiệp hợp tác nghiên cứu và triển khai các nền tảng dùng chung, đặc biệt là xây dựng kho học liệu số. Trong giai đoạn hiện tại, thực hiện thí điểm nền tảng số hóa chung tại 11 trường đối tác của dự án GIZ để rút kinh nghiệm, từ đó từng bước nhân rộng để triển khai ra toàn hệ thống GDNN.

*Khuyến nghị 3: Tăng cường đầu tư nguồn lực cho các điều kiện đảm bảo quá trình triển khai*

- Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng công nghệ: Bộ LĐTTBXH và Tổng cục GDNN hợp tác với các tập đoàn viễn thông và công nghệ số để xây dựng hạ tầng công nghệ số đồng bộ và triển khai chuyển giao công nghệ, thiết bị cho các cơ sở GDNN với kinh phí hợp lý, có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đối với các cơ sở GDNN ở các huyện vùng sâu, địa bàn kinh tế khó khăn, tạo điều kiện cho các cơ sở GDNN và người học nghề
- Bảo đảm về nguồn lực đầu tư và kinh phí triển khai: Bộ LĐTTBXH, Tổng cục GDNN và các cơ quan QLNN về GDNN tại các địa phương quan tâm, dành nguồn kinh phí hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở GDNN tiến hành chiến lược chuyển đổi số được nhanh chóng và đồng bộ trên cả 6 hợp phần,

từ đó tạo ra hệ sinh thái số để có thể triển khai hình thức đào tạo từ xa/trực tuyến một cách có rộng rãi và đạt hiệu quả.

- Khuyến khích các cơ sở GDNN phát triển các khóa học/chương trình đào tạo kết hợp (đào tạo từ xa/ trực tuyến với trực tiếp) trong đó tùy vào ngành nghề và trình độ đào tạo có qui định một thời lượng tối thiểu cho hoạt động thực hành tại cơ sở hoặc doanh nghiệp nhằm tạo cơ hội trải nghiệm môi trường học tập và thực tế sản xuất, đồng thời tạo sự hiểu biết, gắn kết với giáo viên và giao lưu, kết nối với bạn cùng lớp.
- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số và trang bị phương pháp sư phạm số cho đội ngũ nhà giáo GDNN để thực hiện đào tạo từ xa có chất lượng và hiệu quả.
- Xây dựng chính sách trong dài hạn để hỗ trợ các đối tượng là học viên và cả các giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, bảo đảm có được đầy đủ thiết bị học tập và giảng dạy trực tuyến; Cơ chế hỗ trợ, giảm cước phí kết nối internet cho giáo viên và người học có thể triển khai hình thức đào tạo từ xa có hiệu quả, không có học viên và giáo viên nào bị bỏ lại phía sau.

### **3.1.2 Đối với các cơ sở GDNN**

- Lãnh đạo các cơ sở GDNN cần quan tâm, tìm hiểu về hình thức đào tạo từ xa/ đào tạo kết hợp và các văn bản chính sách và qui định hiện tại để đưa ra các ý kiến phản biện và hoàn thiện chính sách.
- Các cơ sở GDNN cần có sự tích cực, chủ động trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược chuyển đổi số, tạo mô trường/hệ sinh thái cho việc triển khai các mô hình đào tạo dựa trên nền tảng công nghệ số như hình thức đào tạo từ xa này. Đặc biệt các cơ sở GDNN đã nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ của Tổng cục GDNN và các tổ chức, dự án quốc tế và trong nước cần coi đây là nhiệm vụ ưu tiên thực hiện (điển hình là 11 trường đối tác của dự án GIZ).
- Các cơ sở xây dựng kế hoạch và ưu tiên dành kinh phí cho các hoạt động đầu tư về hạ tầng CNTT, các phần mềm ứng dụng để linh hoạt áp dụng hình thức dạy học phù hợp, có thể kết hợp giữa học trực tiếp và trực tuyến để duy trì hoạt động

dạy, học, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thích ứng với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học cho đội ngũ giáo viên hoặc tạo điều kiện cho giáo viên viên được mua các thiết bị phục vụ đào tạo với giá ưu đãi để khuyến khích giáo viên đầu tư giảng dạy hiệu quả hơn.

- Nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến học viên có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường dành một phần ngân sách đồng kê gọi sự ủng hộ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, đối tác mở rộng nguồn hỗ trợ tài chính cho các học viên nghèo nhưng có ý thức học tập như: tặng hoặc cho mua với mức giá ưu đãi hoặc được trả góp các thiết bị học tập (máy tính, điện thoại) kết hợp với giảm cước phí internet cho học viên. Trong giai đoạn đầu triển khai hình thức đào tạo từ xa, nhà trường giảm thiểu tối đa các chi phí ... nhằm tạo điều kiện cho tất cả các học viên có nhu cầu tham gia GDNN

- Đa dạng hóa các phương thức quảng bá, truyền thông về hình thức đào tạo từ xa, đẩy mạnh sử dụng các giải pháp tuyên truyền qua internet như website của nhà trường và kết hợp truyền tải thông tin qua các trang mạng xã hội một cách rộng rãi nhưng bảo đảm khả năng kiểm soát mức độ chính xác và đúng đắn về thông tin đăng tải.

### **3.2 Đề xuất sửa đổi một số nội dung của Thông tư 33**

Thông qua trao đổi, lắng nghe ý kiến của các đại biểu tham gia đến từ cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương/Sở LĐTĐBXH, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp và tham vấn với các cán bộ lãnh đạo các đơn vị có liên quan đóng góp cụ thể cho việc sửa đổi nội dung cho Thông tư 33, nhóm tư vấn tổng hợp đề xuất như sau:

#### **(1). Tên gọi và phạm vi Thông tư:**

- Xem xét sửa đổi tên gọi trong thông tư về “Hình thức đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn” thành “*Hình thức đào tạo từ xa và các hình thức đào tạo kết hợp ứng dụng công nghệ số*”.

- Phạm vi: Không đưa đối tượng “Cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp” vào phạm vi điều chỉnh (trao đổi thêm ý kiến với Vụ Pháp chế & Thanh tra của Tổng cục GDNN).

## **(2). Phân giải thích từ ngữ**

Bổ sung một số cụm từ là các khái niệm cơ bản và phổ biến được sử dụng trong hình thức đào tạo từ xa là: đào tạo trực tuyến, Hệ thống quản lý đào tạo (LMS), học liệu số... và thay cụm từ Hệ thống ứng dụng quản lý học tập bằng Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

## **(3). Nội dung của thông tư (từ điều 3-10)**

- Cập nhật các qui định, thông tư mới dẫn chiếu thay cho các thông tư cũ đã sửa đổi<sup>2</sup>

- Giải thích, làm rõ hơn các qui định về các nội dung như: qui trình đề xuất, điều chỉnh các môn học chung (điều 3 về Chương trình, giáo trình đào tạo); về Học liệu, về Hệ thống hạ tầng kỹ thuật – qui định về bảo đảm 2 hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

- Bỏ đi/chỉnh sửa những nội dung mà các cơ sở GDNN cho biết không áp dụng được trong thực tiễn và đại diện các Vụ có liên quan của Tổng cục GDNN cho biết nội dung không còn phù hợp với qui định mới (tham khảo bảng tổng hợp ý kiến)

- Bổ sung những nội dung một số cụm từ cần thiết để bảo đảm thống nhất theo đúng các chính sách, văn bản đã qui định (tham khảo bảng tổng hợp ý kiến).

## **(4) Một số góp ý khác:**

- Bổ sung quy định về phương pháp và tiêu chí kiểm tra, đánh giá, thi đối với hình thức đào tạo trực tuyến

- Đề xuất cho phép tăng thời lượng đào tạo nhiều hơn 5h/ngày để bảo đảm tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu của người học (ví dụ: học viên có nhu cầu đẩy

---

<sup>2</sup> Thông tư số 42/2015//TT-BLĐT BXH thay bằng Thông tư 34/2018/TT-BLĐT BXH;  
Thông tư 05/2017/TT-BLĐT BXH thay bằng Thông tư 07/2019/TT-BLĐT BXH;  
Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH thay bằng Thông tư 24/2020/TT-BLĐT BXH

nhanh tiến độ học tập như người LĐ tranh thủ thời gian học tập liên tục vào ngày thứ 7, chủ nhật).

- Xem xét, điều chỉnh lại qui định về cơ sở vật chất đối với đào tạo từ xa/trực tuyến (vì 1 phòng học ảo có thể phục vụ “không giới hạn” số lượt người học...)

- Tiêu chí giám sát chất lượng của hình thức đào tạo từ xa/ đào tạo trực tuyến

- Tiêu chí để đánh giá, công nhận quá trình đào tạo của người học ở các cơ sở khác nhau?

## KẾT LUẬN

Đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn là hình thức đào tạo giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp cho tất cả các người học có nhu cầu, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Đào tạo từ xa cùng với các mô hình đào tạo kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến đã và đang dần trở thành mô hình học tập phổ biến trong bối cảnh CMCN lần thứ tư và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên các lĩnh vực. Khi được triển khai trên diện rộng, hình thức đào tạo này sẽ tạo ra đột phá về số lượng, qui mô người tham gia học, tiết kiệm được chi phí nhưng vẫn bảo đảm được chất lượng đào tạo, giúp nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp.

Sự ra đời của Thông tư 33 đã tạo hành lang pháp lý để các cơ sở GDNN triển khai hình thức đào tạo mới đáp ứng nhu cầu đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho người học đồng thời mang lại lợi ích cho nhiều bên không chỉ đối với người học mà cả cơ sở GDNN và xã hội. Tuy nhiên, do còn có nhiều khó khăn về cả chủ quan và khách quan nên hiện nay hình thức đào tạo này chưa thực sự được vận dụng một cách đầy đủ và rộng rãi.

Để đưa được hình thức đào tạo từ xa triển khai trong thực tiễn, trước hết cần nhanh chóng sửa đổi và hoàn thiện thông tư 33/2018, xây dựng các qui định, hướng dẫn cụ thể nhưng bảo đảm sự đơn giản và thuận tiện về mặt thủ tục cho các cơ sở GDNN và doanh nghiệp dễ dàng triển khai. Tiếp đó, Tổng cục GDNN và các cơ sở GDNN cần ưu tiên dành nguồn lực thích đáng, đầu tư đồng bộ các hợp phần phục vụ chuyển đổi số, từ đó tạo môi trường thuận lợi triển khai hình thức đào tạo từ xa và các hình thức đào tạo khác dựa trên nền tảng công nghệ số. Đồng thời các cơ sở GDNN cần chủ động, tích cực thực hiện các giải pháp về đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo GDNN. Đặc biệt, cần quan tâm hơn nữa, hỗ trợ các học viên, giáo viên có điều kiện kinh tế khó khăn để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong bất kỳ hình thức đào tạo nào.

Tóm lại, chuyển đổi số được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và là giải pháp bao trùm trong quá trình đổi mới, phát triển GDNN. Hình thức đào tạo từ xa là một mảnh ghép quan trọng của bức tranh về chuyển đổi số trong lĩnh vực GDNN. Để có thể triển khai hình thức đào tạo từ xa một cách

hiệu quả, cần bảo đảm nguyên tắc lấy người học, cán bộ quản lý, nhà giáo GDNN là trung tâm, phát triển cơ sở hạ tầng chuyển đổi số là nền tảng quan trọng. Việc triển khai thành công hình thức đào tạo từ xa sẽ có đóng góp không nhỏ trong việc phát hệ thống GDNN mở, linh hoạt, hiệu quả và bền vững, đáp ứng các mục tiêu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Một số khái niệm từ tổng hợp từ tổng quan nghiên cứu

**Chất lượng hệ thống:** Theo DeLone & McLean (2003), Petter & cộng sự (2008), chất lượng hệ thống là các đặc điểm mong muốn của một HTTT. Ví dụ: dễ sử dụng, sự linh hoạt, độ tin cậy cũng như các tính năng của hệ thống như dễ học, trực giác, tinh tế và thời gian đáp ứng. Theo Urbach & Mueller (2012), việc đo lường (measure) thường tập trung vào khả năng sử dụng và đặc điểm hiệu suất của hệ thống. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu đã sử dụng mô hình TAM của tác giả Davis (1989) để đo lường đặc điểm của hệ thống trong mô hình này là “nhận thức sự dễ sử dụng”.

**Chất lượng thông tin:** Là chất lượng đầu ra của hệ thống. DeLone & McLean (2003) cho rằng chất lượng thông tin là vấn đề nội dung của hệ thống thương mại điện tử. Nội dung web nên được cá nhân hóa, đầy đủ, phù hợp, dễ hiểu và an toàn nếu chúng ta mong đợi người mua hoặc nhà cung cấp tiềm năng bắt đầu giao dịch qua Internet và quay lại trang web của chúng ta một cách thường xuyên. Petter & cộng sự (2008) cho rằng, chất lượng thông tin là các đặc tính mong muốn của đầu ra hệ thống, đó là các báo cáo quản lý và các trang web. Ví dụ: sự thích hợp, dễ hiểu, chính xác, sự đồng nhất, đầy đủ, sự truyền bá, kịp thời và khả năng sử dụng.

**Chất lượng dịch vụ:** Là hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ được cung cấp cho người sử dụng hệ thống. DeLone & McLean (2003) cho rằng chất lượng dịch vụ là sự hỗ trợ tổng thể từ nhà cung cấp dịch vụ, bất kể sự hỗ trợ này được cung cấp bởi bộ phận HTTT, một đơn vị mới, hoặc thuê ngoài. Nếu hỗ trợ người sử dụng kém sẽ dẫn tới việc mất khách hàng và mất doanh số. Petter & cộng sự (2008), Urbach & Mueller (2012) đều cho rằng, chất lượng dịch vụ là chất lượng của sự hỗ trợ mà người sử dụng hệ thống nhận được từ bộ phận HTTT và nhân sự hỗ trợ CNTT. Ví dụ: sự phản hồi nhanh, chính xác, độ tin cậy, năng lực kỹ thuật và sự đồng cảm của nhân sự hỗ trợ CNTT, đào tạo sử dụng, đường dây nóng hỗ trợ.

Học tập là một quá trình bắt đầu với các đầu vào khác nhau (giáo viên, nội dung, học sinh, môi trường học tập) trải qua một quá trình chuyển đổi (giảng bài, người học tương tác, thực hành, đánh giá, phản hồi) và dẫn đến kết quả đầu ra



nhất định (phát triển kỹ năng, nâng cao kiến thức, nâng cao hiệu suất công việc, thay đổi thái độ và hành vi, tăng động lực) (Chopra & cộng sự, 2019).

Hiệu quả học tập: Trong các nghiên cứu của mình, Lee & Lee (2008) sử dụng “academic performance”, Klobas & McGill (2010) sử dụng “student benefits” để đo lường hiệu quả học tập D-Learning; Theo các tác giả Lee-Post (2009), Yengin & cộng sự (2011), kết quả của hệ thống D-Learning (system outcome) được đánh giá (evaluate) và đo lường (measure) bằng hai biến Lợi ích ròng (net benefits) và Sự hài lòng (learner’s satisfaction); Nghiên cứu của Chopra & cộng sự (2019) đề xuất “Sự hài lòng” và “Lợi ích ròng” chính là “Hiệu quả học tập D-Learning” (D-Learning effectiveness) và được gộp nhóm thành một nhân tố thứ cấp.

Lợi ích ròng: Theo DeLone & McLean (2003), lợi ích ròng là sự thu hồi thông tin, sự hiệu quả và chất lượng của khả năng ra quyết định, sự tự tin tạo ra quyết định, sự nâng cao năng suất của người dùng (ví dụ: khả năng có việc làm hoặc điểm cao hơn trong kiểm tra), tính chính xác của các quyết định (ví dụ: đâu là các cơ hội hiện có của thị trường) và sự sẵn lòng của người dùng để trả tiền cho một thông tin cụ thể; Trong mô hình lý thuyết của DeLone & McLean (2003), biến lợi ích ròng (net benefits) là sự kết hợp của hai biến tác động cá nhân (individual impact) và tác động tổ chức (organizations impact) từ các mô hình lý thuyết trước đó. Tác động cá nhân đề cập đến thành tích đạt được từ hiệu quả học tập, mục tiêu cuối cùng của người dùng sau khi hoàn thành khóa học từ hệ thống D-Learning. Thành tích này có thể là bất cứ điều gì như điểm số tốt hơn trong kiểm tra hoặc việc làm tốt hơn (Chopra & cộng sự, 2019). Những tác động này xảy ra khi người học có thể áp dụng kiến thức học tập được từ hệ thống D-Learning để áp dụng vào công việc một cách hiệu quả (Chopra & cộng sự, 2019).

Sự hài lòng: Theo Urbach & Mueller (2012), sự hài lòng là mức độ hài lòng của người sử dụng khi khai thác HTTT, là nhân tố quan trọng để đo lường sự thành công của HTTT; Sự hài lòng của sinh viên là ý tưởng hoặc trải nghiệm tích cực về sự tương tác trực tiếp với hệ thống D-Learning, đo lường mức độ đầy đủ, hiệu quả và sự hài lòng chung đối với hệ thống D-Learning (Aparicio & cộng sự, 2017)

## Phụ lục 2. THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Mỗi nội dung dưới đây bằng cách cho điểm từ 1 đến 5. Mức đánh giá thấp nhất là điểm 1

### 1. Đánh giá về chất lượng hệ thống

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Hệ thống D-Learning có cấu trúc rõ ràng, dễ hiểu, các tính năng của hệ thống dễ sử dụng (thông qua hướng dẫn hoặc đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng)	3.4	3.6	3.4	4.4	3.2	3.5	3.3	3.50
Hệ thống D-Learning có các tính năng và chức năng cần thiết cho việc học trực tuyến	3.6	3.8	3.5	4.5	3.2	3.6	3.4	3.59
Hệ thống D-Learning có các tính năng hấp dẫn để thu hút người sử dụng	3.4	3.6	3.5	4.1	3.2	3.5	3.4	3.47
Các tính năng và Dữ liệu của hệ thống D-Learning được tích hợp đầy đủ và nhất quán	3.5	3.7	3.4	4.2	3.2	3.6	3.4	3.53
Hệ thống D-Learning có các tính năng để người dùng có thể tương tác được với nhau (tương tác với người quản lý hệ thống, tương tác với người học)	3.5	3.7	3.5	3.9	3.2	3.7	3.5	3.62
Hệ thống D-Learning có các tính năng linh hoạt (dễ tùy chỉnh)	3.5	3.7	3.6	4.3	3.2	3.6	3.5	3.58
Hệ thống D-Learning hoạt động ổn định, có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi	3.5	3.7	3.5	4.0	3.4	3.6	3.5	3.56

Hệ thống D-Learning được bảo mật và an toàn (bởi chính sách bảo mật, tài khoản và mật khẩu)	3.5	3.8	3.6	4.4	3.4	3.7	3.6	3.64
Hệ thống D-Learning cung cấp công cụ thiết lập cá nhân hóa việc học tập, hiển thị thông tin phù hợp với cá nhân người học (thiết lập lịch học, kế hoạch học tập phù hợp với cá nhân người học)	3.4	3.6	3.4	4.1	3.4	3.6	3.5	3.60
Nhà trường đầu tư, chuẩn bị rất tốt về cơ sở hạ tầng kỹ thuật số cho công tác đào tạo từ xa	3.6	3.5	3.4	4.0	3.3	3.7	3.6	3.61

## 2. Chất lượng thông tin, nội dung kiến thức

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức liên quan tới công việc của tôi	3.547	3.494	3.496	4.000	3.073	3.558	3.394	3.520
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức dễ hiểu	3.481	3.644	3.562	3.818	3.250	3.549	3.451	3.528
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức được cập nhật	3.524	3.554	3.529	4.000	3.171	3.603	3.479	3.561
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức được thiết kế theo các hình thức đa dạng (video, hình ảnh, âm thanh, bài giảng dạng văn bản v.v...)	3.581	3.837	3.530	4.182	3.350	3.651	3.549	3.627

Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức với chất lượng tốt	3.471	3.626	3.496	4.000	3.158	3.630	3.662	3.592
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức theo yêu cầu của người học	3.500	3.554	3.546	3.800	3.175	3.594	3.507	3.558
Hệ thống D-Learning cung cấp nội dung/kiến thức toàn diện (có đầy đủ kiến thức mà người học cần)	3.452	3.593	3.537	3.909	3.225	3.590	3.406	3.560

### 3. Chất lượng dịch vụ của Cơ sở đào tạo

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Hệ thống D-Learning hỗ trợ và giải thích trực tuyến (mọi lúc, mọi nơi) cho người học)	3.57	3.71	3.52	4.45	3.20	3.58	3.38	3.56
Người học có thể tương tác với cán bộ/nhân viên hỗ trợ hệ thống D-Learning thông qua nhiều kênh khác nhau và được họ tích cực hỗ trợ	3.53	3.61	3.62	4.27	3.28	3.62	3.41	3.59
Hệ thống D-Learning hỗ trợ cho người học một cách nhanh chóng	3.50	3.65	3.59	4.45	3.21	3.64	3.49	3.61
Người học các chương trình đào tạo từ xa có trình độ và kỹ năng không (chênh lệch) thua kém các lao động qua đào tạo khác	3.38	3.22	3.38	4.00	3.26	3.57	3.44	3.52

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường có đủ năng lực thực hiện đào tạo từ xa đáp ứng yêu cầu học tập của học viên	3.57	3.65	3.60	4.36	3.10	3.69	3.63	3.64
Cán bộ quản lý đã thực hiện các giải pháp để hỗ trợ giáo viên và cả người học trong hệ thống đào tạo từ xa	3.52	3.65	3.58	4.09	3.11	3.69	3.53	3.65

#### 4. Mức độ thông minh của hệ thống

Mức độ thông minh của hệ thống	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
D-Learning thuận tiện trên các thiết bị khác nhau như: máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại	3.50	3.99	3.52	4.27	2.93	3.60	3.30	3.56
Hệ thống D-Learning có thể gợi ý tài liệu hoặc kiến thức phù hợp trong quá trình học	3.31	3.68	3.43	3.91	3.14	3.56	3.34	3.51
Hệ thống D-Learning có công cụ trợ lý ảo hỗ trợ tìm kiếm tài liệu và học tập	3.26	3.60	3.39	4.27	2.90	3.55	3.33	3.49
Hệ thống D-Learning có ứng dụng các công cụ AR (Augmented reality - thực tế tăng cường), hoặc VR (Virtual reality - thực tế ảo) hoặc MR (Mixed reality - thực tế hỗn hợp)	3.20	3.52	3.28	3.80	2.94	3.50	3.16	3.44

Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Ví dụ: Đối với sinh viên hoặc người đi làm thì nội dung có sự điều chỉnh để phù hợp với đối tượng học.	3.45	3.61	3.49	4.09	3.05	3.63	3.29	3.57
Chương trình đào tạo gắn với các ngữ cảnh hoặc các dự án thực tế	3.40	3.55	3.38	3.82	3.10	3.59	3.25	3.53
Người học có thể dễ dàng chia sẻ kiến thức, tài liệu của mình lên hệ thống cho các học viên khác	3.56	3.71	3.52	4.18	2.95	3.62	3.38	3.58
Người học có thể dễ dàng chủ động trong quá trình học như: Tự nghiên cứu bài giảng, tài liệu, video v.v...	3.50	3.87	3.54	4.27	3.00	3.62	3.37	3.58

## 5. Đánh giá về lợi ích

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Giúp tìm được việc làm dễ dàng hơn	3.280	3.330	3.364	4.300	2.897	3.508	3.417	3.459
Giúp cải thiện hiệu suất làm việc	3.320	3.511	3.529	4.273	3.000	3.528	3.507	3.493
Giúp mở ra nhiều cơ hội phát triển	3.417	3.620	3.579	4.364	3.216	3.597	3.493	3.562
Giúp đạt tới mục tiêu nghề nghiệp của mình	3.359	3.593	3.508	4.273	3.027	3.571	3.507	3.537
Giúp tiết kiệm được chi phí (tài chính)	3.631	3.846	3.783	4.364	3.027	3.633	3.557	3.623
Giúp tiết kiệm được thời gian	3.618	3.839	3.762	4.455	3.132	3.651	3.529	3.629

## 6. Đánh giá về sự hài lòng

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Cảm thấy thuận tiện khi tham gia hệ thống D-Learning	3.46	3.64	3.57	4.20	2.89	3.57	3.46	3.54
Việc học bằng hình thức D-Learning đã đáp ứng được mong muốn của người học	3.27	3.51	3.38	4.10	3.00	3.54	3.49	3.49
Nhìn chung hài lòng với khóa học D-Learning	3.37	3.51	3.49	4.00	3.06	3.59	3.46	3.54

### 7. Nhu cầu học tập theo hình thức đào tạo từ xa

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Sẽ cân nhắc tiếp tục sử dụng các khoá học khác bằng hình thức D-Learning trong tương lai	3.373	3.495	3.467	3.900	2.974	3.497	3.507	3.473
Sẽ giới thiệu cho những người khác tham gia các khóa học bằng hình thức D-Learning	3.301	3.579	3.459	4.200	3.237	3.524	3.437	3.498
Người lao động/học sinh sẽ sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo từ xa nếu phù hợp với nhu cầu	3.452	3.561	3.521	4.300	3.105	3.587	3.521	3.550
Người học sẽ tham gia các khóa đào tạo từ xa nếu có sự kết hợp giữa doanh nghiệp và nhà trường	3.442	3.592	3.520	4.100	3.189	3.602	3.643	3.573

### 8. Định hướng đào tạo từ xa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Đổi mới nội dung và xây dựng học liệu cho các ngành học phổ biến	3.587	3.600	3.537	4.182	3.231	3.575	3.569	3.559



Các trường nên xây dựng cơ sở dữ liệu theo chuẩn, làm hạ tầng số cho đổi mới công tác quản lý	3.438	3.714	3.597	4.273	3.270	3.602	3.549	3.583
Thay đổi cách dạy và cách học với các phương pháp mới trên môi trường số	3.660	3.663	3.659	4.455	3.405	3.600	3.514	3.593
Xây dựng module đào tạo về năng lực số, tích hợp vào chương trình đào tạo,	3.505	3.724	3.664	4.455	3.389	3.616	3.625	3.602
Công nhận năng lực số là một trong những tiêu chí tốt nghiệp/ mục tiêu đào tạo đầu ra	3.495	3.643	3.584	4.364	3.222	3.631	3.638	3.605

### 9. Tác động của dịch Covid đến hoạt động đào tạo

	Cán bộ, GV dạy học	Cán bộ quản lý phòng/khoa liên quan	Đại diện cơ sở GDNN	Đại diện doanh nghiệp	Đại diện Sở LĐTĐBXH	Học viên đang học	Lao động đang làm việc	Chung
Dịch Covid đem lại cơ hội thúc đẩy phát triển đào tạo từ xa	3.544	3.765	3.653	4.273	3.378	3.532	3.649	3.536
Hình thức đào tạo từ xa phù hợp trong bối cảnh dịch Covid 19	3.602	3.847	3.712	4.455	3.405	3.717	3.753	3.695
Dịch Covid tạo động lực để nhà trường chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo từ xa và chuyển đổi số	3.524	3.755	3.664	4.273	3.389	3.655	3.750	3.637
Tuyển sinh học viên cho các chương trình đào tạo từ xa thuận lợi hơn trong bối cảnh Covid	3.480	3.561	3.467	4.364	3.250	3.677	3.671	3.630

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045
2. Dự thảo đề án Chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng 2030
3. Báo cáo tóm tắt Hoạt động tìm hiểu thực tế chuyển đổi số tại 11 trường cao đẳng đối tác (GS. TS. Hồ Tú Bảo, TS. Nguyễn Nhật Quang)
4. Thông tư 33/2018/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
5. Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH quy chế và chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng
6. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH về giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
7. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng
8. Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
9. Công văn số 345/TCGDNN-ĐTCQ 21/02/2020 về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo trong bối cảnh dịch COVID-19;
10. Công văn số 587/TCGDNN-ĐTCQ 17/3/2020 về việc hướng dẫn ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trước bối cảnh dịch bệnh COVID-19;
11. Công văn số 1301/LĐTĐTBXH-TCGDNN 14/4/2020 V/v hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến;
12. Công văn số 1673/LĐTĐTBXH-TCGDNN 15/5/2020 V/v tổ chức giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến;
13. Công văn số 1819/TCGDNN-ĐTCQ 11/8/2020 V/v tuyển sinh, đào tạo trong tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại
14. Công văn số 353/TCGDNN-ĐTTX V/v triển khai thực hiện đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
15. Khái quát chung về Đào tạo trực tuyến trong Giáo dục nghề nghiệp, Vụ đào tạo Chính quy.

Tài liệu Báo cáo Tổng hợp đánh giá tình hình triển khai hoạt động đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn theo Thông tư 33/2018/TT-BLĐTĐBXH được xây dựng và phát triển trong khuôn khổ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) phối hợp Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp Việt Nam.